

THÔNG BÁO

Về việc ban hành và triển khai Sổ tay hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật

Căn cứ Quyết định số 993 /QĐ-SKĐAHN ngày 29/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật (sau đây gọi tắt là Sổ tay AI), Nhà trường thông báo như sau:

1. Mục đích, phạm vi áp dụng

Sổ tay AI được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT và Quy chế Công tác sinh viên của Nhà trường, nhằm định hướng người học sử dụng AI đúng mục đích, có trách nhiệm, bảo đảm liêm chính học thuật, bảo vệ quyền tác giả và phù hợp với đặc thù đào tạo nghệ thuật. Sổ tay gồm 11 chương và 09 phụ lục, có hiệu lực áp dụng bắt buộc đối với người học toàn Trường kể từ ngày ký ban hành; đối với giảng viên, viên chức là tài liệu định hướng trong giảng dạy, hướng dẫn và đánh giá người học.

2. Yêu cầu trọng tâm đối với người học

Tuân thủ bảy nguyên tắc đạo đức AI (Chương 2) và ranh giới “được phép – không được phép - gian lận” theo quy định chung (Chương 4) và quy định riêng của từng khoa chuyên môn (Chương 5); khai báo việc sử dụng AI theo Mẫu K1 kèm theo bài nộp (Chương 7), trích dẫn AI theo chuẩn quy định (Chương 8); lưu giữ nhật ký prompt, bản gốc đầu ra AI và các bản chỉnh sửa làm minh chứng khi được yêu cầu. Hành vi vi phạm được xem xét, xử lý theo Quy chế Công tác sinh viên, Quy chế đào tạo, Quy chế khảo thí và quy định pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện

- Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, Sinh viên là đầu mối: tổ chức phổ biến Sổ tay AI trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học 2026 - 2027; hướng dẫn, giải đáp; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện, đề xuất Hiệu trưởng sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

- Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực ứng dụng AI cho giảng viên; hướng dẫn lồng ghép yêu cầu sử dụng, khai báo AI vào đề cương học phần.

- Các khoa chuyên môn phổ biến Sổ tay AI đến toàn thể người học; chỉ đạo giảng viên giảng dạy, giảng viên chủ nhiệm lớp cụ thể hóa yêu cầu sử dụng AI trong đề bài, kiểm tra Mẫu K1 khi tiếp nhận, đánh giá bài làm.

- Bộ phận Truyền thông đăng tải toàn văn Sổ tay AI trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường; Đoàn Thanh niên phối hợp tuyên truyền trong đoàn viên, thanh niên.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, Sinh viên (TS. Trịnh Thúy Hương) để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, giải quyết. /.

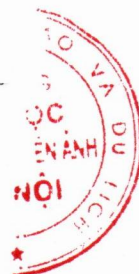
Nơi nhận:

- Đảng ủy (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Các phòng, khoa, đơn vị trực thuộc;
- Đoàn Thanh niên;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT&CTHSSV, TTPT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Như Lai



Số: 993 /QĐ-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 372/CP ngày 17 tháng 12 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 12/9/2025 của Hội đồng trường về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học; Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Sổ tay hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (sau đây gọi tắt là Sổ tay AI), gồm 11 chương và 09 phụ lục.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sổ tay AI được áp dụng bắt buộc đối với người học toàn Trường; là tài liệu định hướng đối với giảng viên, viên chức trong giảng dạy, hướng dẫn và đánh giá người học. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, Sinh viên là đơn vị đầu mối tổ chức triển khai, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện; định kỳ rà soát, tham mưu Hiệu trưởng sửa đổi, bổ sung Sổ tay AI phù hợp với sự phát triển của công nghệ và quy định của pháp luật.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, Sinh viên; Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng các khoa, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và người học của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Đoàn Thanh niên;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT&CTHSSV, TTPT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Như Lai

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG AI

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
DANH MỤC VIẾT TẮT.....	2
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THAM CHIẾU CỦA SỔ TAY AI.....	3
I. Văn bản của Đảng.....	3
II. Văn bản pháp luật và văn bản quản lý nhà nước về giáo dục.....	3
III. Văn bản pháp luật về trí tuệ nhân tạo, sở hữu trí tuệ (SHTT), dữ liệu và môi trường số.....	3
IV. Văn bản về văn hóa và công nghiệp văn hóa.....	4
V. Điều ước quốc tế và tài liệu tham chiếu quốc tế.....	4
VI. Văn bản nội bộ của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.....	4
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI).....	5
1.1. Trí tuệ nhân tạo (AI) là gì?.....	5
1.2. AI Tạo sinh (Generative AI - GenAI).....	5
1.3. Mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models - LLM).....	6
1.4. AI Khuếch tán (Diffusion Models) - AI tạo hình ảnh.....	6
1.5. AI Video.....	7
1.6. AI Âm thanh.....	7
1.7. AI Dựng phim và hậu kỳ.....	7
1.8. AI trong Mỹ thuật và Nhiếp ảnh.....	7
1.9. AI trong Sân khấu và Nghệ thuật biểu diễn.....	8
CHƯƠNG 2: ĐẠO ĐỨC SỬ DỤNG AI.....	9
2.1. Khung đạo đức AI áp dụng tại Trường SKĐAHN.....	9
2.2. Bảy nguyên tắc đạo đức AI bắt buộc.....	9
2.3. Thiên lệch AI (AI Bias).....	11
2.4. Ảo giác AI (Hallucination).....	11
CHƯƠNG 3: QUYỀN TÁC GIẢ VÀ AI.....	13
3.1. Khung pháp lý về quyền tác giả tại Việt Nam.....	13
3.2. Sơ đồ phân tích quyền tác giả tác phẩm có AI.....	15
3.3. Phân tích các tình huống pháp lý đặc thù.....	15
3.4. Điều khoản sử dụng các công cụ AI phổ biến.....	18

3.5. Quyền sở hữu sản phẩm sáng tạo có sử dụng AI hình thành từ nguồn lực của Nhà trường	18
CHƯƠNG 4: LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT VÀ AI	20
4.1. Nguyên tắc liêm chính học thuật trong môi trường AI	20
4.2. Ma trận phân loại: Được phép - Không được phép - Gian lận	20
4.3. Xác định ranh giới hỗ trợ - thay thế - gian lận	21
CHƯƠNG 5: QUY ĐỊNH RIÊNG THEO CHUYÊN NGÀNH	23
5.1. Nguyên tắc áp dụng quy định theo chuyên ngành	23
5.2. Khoa Sân khấu	23
5.3. Khoa Nghệ thuật Điện ảnh	23
5.4. Khoa Truyền hình	24
5.5. Khoa Nhiếp ảnh	24
5.6. Khoa Thiết kế mỹ thuật	25
5.7. Khoa Kịch hát dân tộc	26
5.8. Khoa Múa	26
5.9. Khoa Kiến thức cơ bản	27
CHƯƠNG 6: QUY TRÌNH SỬ DỤNG AI	28
6.1. Quy trình chuẩn sử dụng AI trong học tập và sáng tạo	28
6.2. Nguyên tắc thiết kế prompt hiệu quả	28
CHƯƠNG 7: QUY ĐỊNH KHAI BÁO AI	29
7.1. Nghĩa vụ khai báo AI	29
7.2. Phạm vi khai báo	29
7.3. Mẫu khai báo AI (K1) - bắt buộc kèm theo mọi bài nộp	30
CHƯƠNG 8: QUY ĐỊNH TRÍCH DẪN AI	33
8.1. Nguyên tắc trích dẫn AI	33
8.2. Chuẩn trích dẫn theo APA 7	33
8.3. Chuẩn trích dẫn nội bộ Trường SKĐAHN	33
CHƯƠNG 9: ĐẠO VĂN VÀ PHÁT HIỆN NỘI DUNG AI	34
9.1. Tổng quan về phát hiện đạo văn và nội dung AI	34
9.2. Phần mềm và công cụ	34
9.3. Độ tin cậy và giới hạn của AI detector	35
9.4. Quy trình xử lý khi phát hiện nghi vấn	36
CHƯƠNG 10: XỬ LÝ VI PHẠM	37

10.1. Nguyên tắc xử lý vi phạm liên quan đến AI	37
10.2. Nhóm hành vi liên quan đến sử dụng AI cần lưu ý khi xem xét, xử lý	37
10.3. Quy trình khiếu nại và giải quyết tranh chấp	39
CHƯƠNG 11: AI TRONG PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG, SẢN PHẨM MẪU VÀ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT.....	40
11.1. Mục đích.....	40
11.2. Các lĩnh vực AI có thể hỗ trợ tạo giá trị trong đào tạo nghệ thuật	40
11.3. Nguyên tắc sử dụng AI trong hoạt động sáng tạo - tạo giá trị - khởi nghiệp.....	40
PHỤ LỤC	42
Phụ lục 1: Checklist Sử dụng AI.....	42
Phụ lục 2: Checklist quyền tác giả.....	42
Phụ lục 3: Prompt mẫu dành cho sinh viên nghệ thuật SKĐAHN.....	43
Phụ lục 4: Một số tình huống thực tế minh họa.....	44
Phụ lục 5: FAQ - Câu hỏi thường gặp	45
Phụ lục 6: Biểu mẫu cam kết liên chính học thuật	46
Phụ lục 7: Quy trình kiểm tra đạo văn và phát hiện nội dung AI	46
Phụ lục 8: Bảng tra cứu căn cứ pháp lý nhanh.....	47
Phụ lục 9: Khuyến nghị bồi dưỡng năng lực AI cho giảng viên	48

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

SỔ TAY
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)
TRONG HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU VÀ SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 993/QĐ-SKĐAHN ngày 29 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)*

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi phương thức học tập, nghiên cứu và sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật, mở ra nhiều cơ hội phát triển năng lực sáng tạo, đồng thời đặt ra những vấn đề mới về đạo đức học thuật, quyền tác giả và liên chính sáng tạo.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên; yêu cầu phát triển năng lực số theo Khung năng lực số quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT và Quy chế Công tác sinh viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội năm 2026, Nhà trường biên soạn và ban hành Sổ tay hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm định hướng người học sử dụng AI đúng mục đích, có trách nhiệm, bảo đảm liên chính học thuật và phù hợp với đặc thù học tập, nghiên cứu, sáng tạo nghệ thuật.

Sổ tay hướng dẫn sử dụng AI trong học tập, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (sau đây gọi tắt là Sổ tay AI) nhằm mục tiêu:

- Trang bị kiến thức nền tảng về AI và các công nghệ AI tạo sinh (Generative AI) cho toàn thể sinh viên, giảng viên và cán bộ Nhà trường;
- Xác lập khung đạo đức sử dụng AI phù hợp với giá trị học thuật và đặc thù sáng tạo nghệ thuật;
- Cung cấp quy trình, mẫu biểu và hướng dẫn khai báo, trích dẫn AI đảm bảo tính liên chính học thuật;
- Quy định rõ ranh giới giữa hỗ trợ AI hợp lệ và gian lận học thuật bằng AI trong từng chuyên ngành đào tạo của Trường;
- Bảo vệ quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ và các lợi ích hợp pháp của sinh viên, giảng viên và Nhà trường trong môi trường số.

Sổ tay AI là văn bản hướng dẫn nội bộ, ban hành kèm theo Quyết định của Hiệu trưởng, có hiệu lực áp dụng bắt buộc đối với sinh viên toàn Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội kể từ ngày Hiệu trưởng ký ban hành. Đối với giảng viên, cán bộ Nhà trường, các nội dung liên quan đến sử dụng AI được thực hiện theo kế hoạch bồi dưỡng năng lực số riêng của Nhà trường do Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì xây dựng (xem Phụ lục Khuyến nghị bồi dưỡng năng lực AI cho giảng viên kèm theo). Hành vi vi phạm liên quan đến sử dụng AI được xem xét, xử lý theo quy định của Quy chế Công tác sinh viên, Quy chế đào tạo, Quy chế khảo thí và các quy định pháp luật có liên quan.

TỔ BIÊN SOẠN SỔ TAY AI

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, năm 2026

PHỤ LỤC**DANH MỤC VIẾT TẮT**

Viết tắt	Nội dung đầy đủ
AI	Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence)
GenAI	AI tạo sinh (Generative AI)
LLM	Mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Model)
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
SKĐAHN	Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
KT&CTHSSV	Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, Sinh viên
SHTT	Sở hữu trí tuệ
LHHTTT	Liên hoan hội thi sân khấu truyền thống
OBE	Đào tạo theo định hướng chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education)
PLO / CDR	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
APA	American Psychological Association (chuẩn trích dẫn)
MLA	Modern Language Association (chuẩn trích dẫn)
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
EU AI Act	Đạo luật AI của Liên minh Châu Âu
Luật BVĐLCN	Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15
Luật TTNT	Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15
NĐ 17	Nghị định số 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật SHTT về quyền tác giả, quyền liên quan (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP)
TT 40	Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT về công tác sinh viên

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THAM CHIẾU CỦA SỔ TAY AI

I. Văn bản của Đảng

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

II. Văn bản pháp luật và văn bản quản lý nhà nước về giáo dục

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học.
- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học.
- Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên.
- Quyết định số 2650/QĐ-BGDĐT ngày 08/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Khung nội dung kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp kinh doanh dành cho học sinh, sinh viên.

III. Văn bản pháp luật về trí tuệ nhân tạo, sở hữu trí tuệ (SHTT), dữ liệu và môi trường số

- Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019, Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025 và Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025 (Văn bản hợp nhất số 67/VBHN-VPQH ngày 23/3/2026 của Văn phòng Quốc hội).
- Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026.
- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.
- Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024.
- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15/6/2022.
- Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

IV. Văn bản về văn hóa và công nghiệp văn hóa

- Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

V. Điều ước quốc tế và tài liệu tham chiếu quốc tế

- Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật; Việt Nam là thành viên từ năm 2004.

- Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS).

- Hiệp ước của WIPO về biểu diễn và bản ghi âm (WPPT).

- Khuyến nghị của UNESCO về đạo đức trí tuệ nhân tạo (Recommendation on the Ethics of Artificial Intelligence), năm 2021.

- Hướng dẫn của UNESCO về AI tạo sinh trong giáo dục và nghiên cứu (Guidance for Generative AI in Education and Research), năm 2023.

- Các Nguyên tắc về trí tuệ nhân tạo của OECD (OECD AI Principles), năm 2019 và các nội dung cập nhật hiện hành.

- Quy định (EU) 2024/1689 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng ngày 13/6/2024 về trí tuệ nhân tạo (EU AI Act).

VI. Văn bản nội bộ của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

- Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 736/QĐ-SKĐAHN ngày 02/7/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-SKĐAHN ngày 11/9/2023 của Hiệu trưởng Nhà trường.

- Quy chế khảo thí hiện hành của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Quy chế nghiên cứu khoa học hiện hành của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- Quy định về bảo đảm chất lượng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2024.

- Các quy định hiện hành của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về liêm chính học thuật, sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu và các nội dung có liên quan.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Lưu ý về tính thời điểm: Các bảng công cụ AI trong Chương này được trình bày theo NHÓM CÔNG CỤ (chatbot/LLM, tạo hình ảnh, tạo video, tạo âm thanh, dựng phim - hậu kỳ...); tên sản phẩm cụ thể chỉ mang tính chất ví dụ tham khảo tại thời điểm biên soạn Sổ tay, danh mục và phiên bản công cụ có thể thay đổi theo sự phát triển của công nghệ. Sinh viên, giảng viên cần chủ động cập nhật thông tin công cụ theo hướng dẫn của Nhà trường hoặc khoa chuyên môn.

1.1. Trí tuệ nhân tạo (AI) là gì?

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) là lĩnh vực khoa học máy tính nghiên cứu và phát triển các hệ thống, phương pháp, kỹ thuật để máy tính có thể thực hiện những công việc thường đòi hỏi trí thông minh của con người: nhận diện, suy luận, học hỏi, lập kế hoạch, ngôn ngữ, nhận thức hình ảnh, âm thanh và sáng tạo.

Theo định nghĩa của UNESCO (2021): “AI là hệ thống kỹ thuật xử lý đầu vào như dữ liệu, ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh để tạo ra đầu ra như dự đoán, khuyến nghị, quyết định hoặc nội dung nhằm đạt được các mục tiêu nhất định trong thế giới thực hoặc ảo.”

1.1.1. Các loại AI theo mức độ

- AI hẹp (Narrow AI): thực hiện một nhiệm vụ cụ thể (nhận diện ảnh, dịch thuật, chơi cờ).
- AI tổng quát (AGI - Artificial General Intelligence): có thể thực hiện mọi nhiệm vụ nhận thức như con người (chưa tồn tại đầy đủ năm 2026).
- AI siêu việt (Superintelligence): vượt trội hoàn toàn so với con người (giai đoạn tương lai).

1.2. AI Tạo sinh (Generative AI - GenAI)

AI tạo sinh là nhóm công nghệ AI có khả năng tạo ra nội dung mới (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, mã nguồn...) từ dữ liệu huấn luyện. Đây là nhóm AI có ảnh hưởng trực tiếp nhất đến học tập, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật.

1.3. Mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models - LLM)

LLM là mô hình AI được huấn luyện trên lượng dữ liệu văn bản khổng lồ để hiểu và tạo ra ngôn ngữ tự nhiên. LLM là nền tảng của các công cụ như ChatGPT, Claude, Gemini, Copilot.

Công cụ (ví dụ tham khảo)	Nhà phát triển	Ứng dụng chính trong nghệ thuật
ChatGPT	OpenAI	Viết kịch bản, phân tích tác phẩm, nghiên cứu
Claude	Anthropic	Soạn thảo học thuật, phân tích văn bản dài
Gemini	Google DeepMind	Đa phương thức: văn bản, hình ảnh, âm thanh
Copilot	Microsoft	Hỗ trợ văn phòng, nghiên cứu, viết lách
Llama	Meta AI	Mô hình nguồn mở, tích hợp vào phần mềm chuyên dụng

1.4. AI Khuếch tán (Diffusion Models) - AI tạo hình ảnh

Mô hình khuếch tán hoạt động bằng cách thêm nhiễu ngẫu nhiên vào dữ liệu huấn luyện rồi học cách khôi phục, từ đó tạo ra hình ảnh mới từ văn bản mô tả (text-to-image).

Công cụ (ví dụ tham khảo)	Nhà phát triển	Đặc điểm
Midjourney	Midjourney Inc.	Chất lượng nghệ thuật cao, thiên về mỹ thuật
DALL-E	OpenAI	Tích hợp ChatGPT, hiểu ngữ nghĩa tốt
Stable Diffusion	Stability AI	Nguồn mở, tùy biến cao cho chuyên gia
Adobe Firefly	Adobe	Tối ưu cho thương mại, tuân thủ bản quyền
Canva AI	Canva	Phù hợp thiết kế đồ họa nhanh, đơn giản
Kling AI	Kuaishou	Tạo video ngắn từ ảnh/văn bản

1.5. AI Video

AI video cho phép tạo, chỉnh sửa, phân tích video tự động từ văn bản, hình ảnh hoặc video đầu vào - có ảnh hưởng đặc biệt lớn đến ngành điện ảnh, truyền hình.

- Sora (OpenAI): tạo video chất lượng cao từ văn bản mô tả, độ dài đến vài phút.
- Runway: tạo và chỉnh sửa video chuyên nghiệp, hiệu ứng đặc biệt.
- Pika Labs: tạo video từ ảnh và văn bản.
- Veo (Google DeepMind): cạnh tranh trực tiếp với Sora, mô phỏng vật lý tốt.
- Kling AI Video: công cụ video AI nổi bật từ khu vực châu Á.
- CapCut AI: tích hợp chỉnh sửa video AI cho người dùng phổ thông.

1.6. AI Âm thanh

- Suno AI, Udio: tạo nhạc gốc từ mô tả văn bản - có khả năng tạo full track với lời, melody, arrangement.

- ElevenLabs, Resemble AI: voice cloning (nhân bản giọng nói), text-to-speech chất lượng cao.

- Adobe Podcast AI: nâng cao chất lượng âm thanh, khử nhiễu.
- Mureka, Boomy: sáng tác nhạc nền tự động.
- AI Cover: sử dụng giọng AI nhân bản từ ca sĩ thật để thu âm bài hát khác - có nhiều vấn đề pháp lý.

1.7. AI Dựng phim và hậu kỳ

- DaVinci Resolve AI: tự động màu, nhận dạng khuôn mặt, cắt ghép thông minh.
- Adobe Premiere Pro AI: tự động cắt ghép, caption, chỉnh màu thông minh.
- Topaz Video AI: nâng cấp độ phân giải, khử nhiễu, giả lập slow-motion.
- Synthesia, HeyGen: tạo video avatar AI đọc kịch bản - ứng dụng trong e-learning, phim tài liệu.

1.8. AI trong Mỹ thuật và Nhiếp ảnh

- AI trong mỹ thuật: tạo tranh, poster, concept art, character design; hỗ trợ illustrator, graphic designer.

- Adobe Photoshop Generative Fill: chỉnh sửa ảnh bằng ngôn ngữ tự nhiên, thêm/xóa đối tượng. 

- Lightroom AI: auto-edit, phân loại ảnh, nhận diện đối tượng.

- Midjourney cho nhiếp ảnh ý niệm: tạo bố cục, tham chiếu màu sắc cho nhiếp ảnh sáng tạo.

1.9. AI trong Sân khấu và Nghệ thuật biểu diễn

- AI tạo kịch bản: hỗ trợ cấu trúc, phân tích nhân vật, đề xuất tình tiết.

- AI thiết kế sân khấu: tạo concept set design, lighting design.

- Motion capture AI: phân tích chuyển động diễn viên, hỗ trợ choreography.

- AI lồng tiếng đa ngôn ngữ: tự động dịch và lồng tiếng phim, kịch.

- Deepfake trong sân khấu: tái tạo diễn viên, trình diễn hologram - nhiều vấn đề đạo đức và pháp lý.

Lưu ý quan trọng: Bất kể công cụ AI nào được sử dụng, sinh viên đều có nghĩa vụ khai báo và tuân thủ đầy đủ quy định của Chương 6, 7, 8 Sổ tay này. *nd*

CHƯƠNG 2: ĐẠO ĐỨC SỬ DỤNG AI

2.1. Khung đạo đức AI áp dụng tại Trường SKĐAHN

Khung đạo đức AI của Trường được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động trí tuệ nhân tạo quy định tại Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 (lấy con người làm trung tâm; trí tuệ nhân tạo phục vụ con người, không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người; bảo đảm công bằng, minh bạch, không thiên lệch, trách nhiệm giải trình, tuân thủ chuẩn mực đạo đức và giá trị văn hóa Việt Nam; phát triển trí tuệ nhân tạo xanh, bao trùm, bền vững); yêu cầu phòng ngừa rủi ro trong đánh giá, phân loại người học, bảo đảm an toàn dữ liệu và quyền riêng tư khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục (điểm b khoản 2 Điều 6) và yêu cầu tuân thủ đạo đức nghiên cứu, liên chính khoa học (khoản 3 Điều 6) của Luật này; đồng thời căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT và đặc thù đào tạo nghệ thuật của Nhà trường.

Khuyến nghị của UNESCO về đạo đức trí tuệ nhân tạo (2021), Hướng dẫn của UNESCO về AI tạo sinh trong giáo dục và nghiên cứu (2023), Các Nguyên tắc về trí tuệ nhân tạo của OECD (2019 và các nội dung cập nhật hiện hành) và Quy định (EU) 2024/1689 (EU AI Act) là tài liệu tham chiếu, định hướng; không được sử dụng làm căn cứ để kết luận hành vi được phép, bị cấm hoặc vi phạm tại Nhà trường. Khi Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia theo khoản 5 Điều 26 Luật Trí tuệ nhân tạo, Nhà trường rà soát, điều chỉnh Khung đạo đức tại Chương này cho phù hợp.

2.2. Bảy nguyên tắc đạo đức AI bắt buộc

STT	Nguyên tắc	Nội dung cốt lõi	Ứng dụng trong nghệ thuật
1	Minh bạch	Khai báo rõ việc sử dụng AI; không ẩn giấu nguồn gốc AI	Công bố rõ công cụ, phạm vi/mức độ AI hỗ trợ trong tác phẩm; ghi nhận nguồn AI; thông báo, gắn nhãn nội dung do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa khi công

STT	Nguyên tắc	Nội dung cốt lõi	Ứng dụng trong nghệ thuật
			bổ công khai theo Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo
2	Công bằng	AI không được tạo ra phân biệt, định kiến, kỳ thị	Không dùng AI tạo nội dung phân biệt dân tộc, giới, tôn giáo
3	Trách nhiệm	Con người chịu trách nhiệm cuối cùng về sản phẩm AI	Sinh viên/giảng viên chịu trách nhiệm học thuật và pháp lý
4	Khả năng giải trình	Có thể giải thích quá trình tạo ra sản phẩm AI	Lưu prompt log, mô tả quy trình chỉnh sửa
5	Kiểm chứng thông tin	Xác minh độ chính xác của thông tin AI cung cấp	Đối chiếu với nguồn học thuật, chuyên gia có thẩm quyền
6	Bảo vệ quyền riêng tư	Không đưa dữ liệu cá nhân nhạy cảm vào AI	Không upload hình ảnh/giọng nói của người khác không có sự đồng ý
7	Phát triển bền vững	Cân nhắc tác động môi trường, xã hội của AI	Ưu tiên công cụ AI tiết kiệm năng lượng, có trách nhiệm xã hội

Nguyên tắc 3 và Nguyên tắc 5 được thực hiện thống nhất với định hướng bảo đảm vai trò kiểm soát, quyết định của con người và nhận diện rủi ro thông tin sai, thiên lệch, nội dung giả mạo do AI tạo ra, nêu tại Mục VII.3 Khung nội dung kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp kinh doanh dành cho học sinh, sinh viên (kèm theo Quyết định số 2650/QĐ-BGDĐT ngày 08/9/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Cơ sở pháp lý của Bảy nguyên tắc: Nguyên tắc 1 (Minh bạch) – khoản 3 Điều 4, Điều 11 và khoản 5 Điều 7 Luật Trí tuệ nhân tạo (trách nhiệm thông báo, gắn nhãn; nghiêm cấm che giấu thông tin bắt buộc phải minh bạch, tẩy xóa, làm sai lệch nhãn); Nguyên tắc 2 (Công bằng) – khoản 3 Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo; Nguyên tắc 3 (Trách nhiệm) và Nguyên tắc 4 (Khả năng giải trình) – khoản 2, khoản 3 Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo; Nguyên tắc 5 (Kiểm chứng thông tin) – khoản 3 Điều 6 Luật Trí tuệ nhân tạo; Nguyên tắc 6 (Bảo vệ quyền riêng tư) – khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 7 Luật Trí tuệ nhân tạo, các Điều 3, 9 và 30 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nguyên tắc 7 (Phát triển bền vững) – khoản 4 Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo. 

2.3. Thiên lệch AI (AI Bias)

Thiên lệch AI (AI Bias) xảy ra khi hệ thống AI đưa ra kết quả thiên vị, không công bằng do dữ liệu huấn luyện có định kiến hoặc thuật toán có lỗi hệ thống.

Các loại thiên lệch AI phổ biến trong nghệ thuật:

- Thiên lệch văn hóa: AI được huấn luyện chủ yếu trên dữ liệu Tây phương có xu hướng tạo ra hình ảnh/nội dung không phù hợp với văn hóa Việt Nam, văn hóa Á Đông.
- Thiên lệch giới tính: AI có xu hướng tạo hình ảnh nhân vật theo khuôn mẫu giới tính định sẵn.
- Thiên lệch thẩm mỹ: AI phản ánh thẩm mỹ phổ biến trên internet, không phải thẩm mỹ nghệ thuật chuyên sâu.
- Thiên lệch lịch sử: AI có thể phản ánh không chính xác lịch sử nghệ thuật, điện ảnh, sân khấu Việt Nam.

Biện pháp phòng ngừa:

- Luôn tư duy phản biện khi sử dụng kết quả AI; không chấp nhận kết quả AI mà không đánh giá.
- Tham chiếu với chuyên gia, tài liệu học thuật có thẩm quyền.
- Điều chỉnh prompt để giảm thiểu thiên lệch (ví dụ: chỉ định văn hóa, phong cách, bối cảnh cụ thể).
- Đối với chất liệu văn hóa, di sản nghệ thuật dân tộc: đối chiếu kết quả AI với nghệ nhân, giảng viên chuyên môn, bảo đảm yêu cầu tuân thủ chuẩn mực đạo đức, giá trị văn hóa Việt Nam và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc (khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Luật Trí tuệ nhân tạo), phù hợp định hướng của Nghị quyết số 80-NQ/TW và Quyết định số 2486/QĐ-TTg.

2.4. Ảo giác AI (Hallucination)

Ảo giác AI (AI Hallucination) là hiện tượng AI tạo sinh tạo ra thông tin trông có vẻ hợp lý nhưng thực tế là sai, bịa đặt hoặc không có căn cứ - đặc biệt nguy hiểm trong học thuật và nghiên cứu.

Cảnh báo: AI có thể bịa đặt tên tác giả, trích dẫn, số liệu, ngày tháng, địa danh, giải thưởng và sự kiện lịch sử. Tất cả thông tin sự kiện từ AI PHẢI được kiểm chứng

độc lập trước khi sử dụng trong bài tập, luận văn, tài liệu chính thức. Yêu cầu này thực hiện khoản 3 Điều 6 Luật Trí tuệ nhân tạo về tuân thủ đạo đức nghiên cứu, liên chính khoa học và phòng ngừa gian lận, đạo văn khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Quy trình kiểm chứng bắt buộc:

- Nhận kết quả từ AI - không tin ngay.
- Xác định các thông tin cụ thể: tên, số liệu, ngày tháng, trích dẫn.
- Tìm kiếm độc lập trên nguồn có thẩm quyền: thư viện, cơ sở dữ liệu học thuật, chuyên gia.
- So sánh và xác nhận hoặc bác bỏ từng thông tin.
- Chỉ đưa vào bài sau khi đã kiểm chứng đủ độ tin cậy. 

CHƯƠNG 3: QUYỀN TÁC GIẢ VÀ AI

3.1. Khung pháp lý về quyền tác giả tại Việt Nam

Quyền tác giả đối với sản phẩm có sử dụng AI được xác định theo Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022 và 2025 (Văn bản hợp nhất số 67/VBHN-VPQH ngày 23/3/2026; sau đây gọi là Luật SHTT), Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP), Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Sổ tay xác định các vấn đề sau:

a) Chủ thể là tác giả: tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm; người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không phải là tác giả, đồng tác giả (khoản 1, khoản 2 Điều 12a Luật SHTT). Tác phẩm được bảo hộ phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác (khoản 3 Điều 14 Luật SHTT). Trên cơ sở đó, hệ thống AI không được xác định là tác giả, đồng tác giả.

b) Sản phẩm được tạo ra có sử dụng AI: theo khoản 5 Điều 6 Luật SHTT và Điều 5a Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP), quyền tác giả đối với tác phẩm mà con người có sử dụng hệ thống AI để sáng tạo chỉ phát sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: (i) con người đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo, bao gồm: cung cấp dữ liệu đầu vào, tham số kỹ thuật mang tính nguyên gốc; thiết lập các câu lệnh để điều khiển hệ thống AI; đánh giá, lựa chọn, chỉnh sửa, can thiệp hoặc diễn giải kết quả do AI tạo ra; lựa chọn, sắp xếp, tổ chức nội dung, hình thức thể hiện; đưa ra các quyết định thể hiện ý đồ nghệ thuật, thẩm mỹ hoặc kỹ năng chuyên môn; quyết định kết quả cuối cùng, bảo đảm kết quả phản ánh đúng ý tưởng của mình thay vì sự sắp đặt ngẫu nhiên hoặc tự động của thuật toán; (ii) con người chịu trách nhiệm về nội dung và tính hợp pháp của sản phẩm; (iii) không gây phương hại đến quyền tác giả, quyền liên quan đối với các đối tượng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào (khoản 1 Điều 5a). Người sáng tạo đáp ứng các điều kiện trên được xác định là tác giả (khoản 3 Điều 5a); sản phẩm hoàn

toàn do AI tạo ra hoặc không đáp ứng đầy đủ các điều kiện trên thì không làm phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan (khoản 9 Điều 5a).

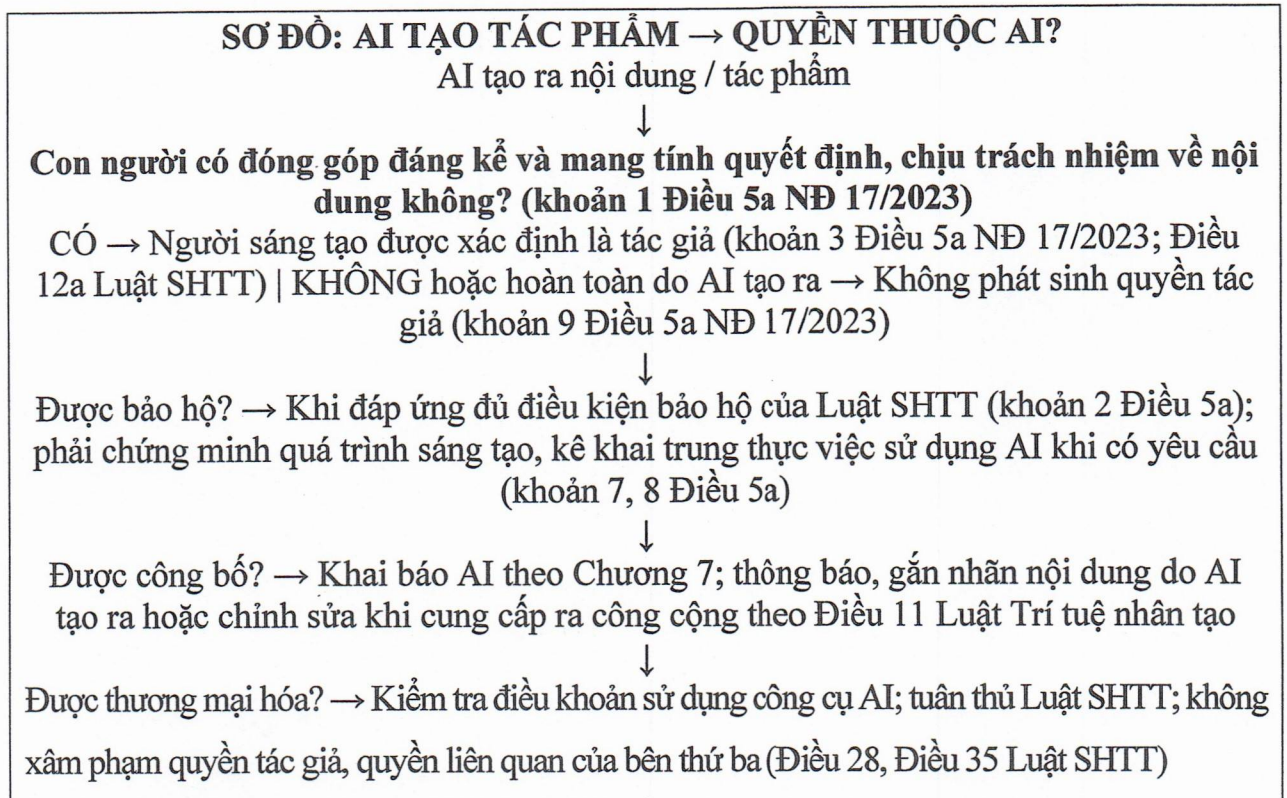
Tài liệu chứng minh quá trình sáng tạo: khi có yêu cầu bảo vệ quyền, người sáng tạo phải chứng minh việc sáng tạo của mình và kê khai trung thực việc sử dụng hệ thống AI; tài liệu chứng minh có thể gồm dữ liệu đầu vào, bản thảo, các bản trung gian, chỉnh sửa; lịch sử câu lệnh, dữ liệu tương tác; tài liệu mô tả quá trình sáng tạo (khoản 7, khoản 8 Điều 5a). Vì vậy, Prompt Log, bản gốc đầu ra AI, các bản chỉnh sửa và Mẫu K1 theo quy định của Sổ tay đồng thời là tài liệu để người học chứng minh quyền tác giả của mình.

c) Sử dụng tác phẩm, dữ liệu để huấn luyện AI: tổ chức, cá nhân được sử dụng văn bản và dữ liệu về đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đã được công bố hợp pháp và công chúng được phép tiếp cận để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo, với điều kiện không ảnh hưởng bất hợp lý đến quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu; đối với văn bản, dữ liệu là đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan còn phải thực hiện theo quy định của Chính phủ (khoản 5 Điều 7 Luật SHTT). Theo các Điều 37a, 37b, 37c Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP), việc sử dụng phải bảo đảm: văn bản, dữ liệu được công bố hợp pháp, tiếp cận hợp pháp, không vô hiệu hóa biện pháp công nghệ bảo vệ quyền; chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, huấn luyện AI và không nhằm mục đích thương mại; kết quả đầu ra không thay thế thị trường tiêu thụ hoặc khai thác bình thường tác phẩm; tôn trọng quyền bảo lưu (từ chối cho phép sử dụng) của tác giả, chủ sở hữu quyền; khi khai thác thương mại phải trả tiền bản quyền. Nghiêm cấm thu thập, xử lý, sử dụng dữ liệu để phát triển, huấn luyện, kiểm thử hoặc vận hành hệ thống AI trái với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và an ninh mạng (khoản 3 Điều 7 Luật Trí tuệ nhân tạo).

d) Dẫn chiếu điều khoản: số điều, khoản trong Chương này được xác định theo Văn bản hợp nhất Luật SHTT hiện hành và Nghị định số 17/2023/NĐ-CP (được sửa

đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2026/NĐ-CP); trường hợp văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng.

3.2. Sơ đồ phân tích quyền tác giả tác phẩm có AI



3.3. Phân tích các tình huống pháp lý đặc thù

Tình huống	Quy định pháp lý	Kết luận
AI có được coi là tác giả?	Khoản 1 Điều 12a, khoản 3 Điều 14 Luật SHTT: tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm bằng lao động trí tuệ của mình; khoản 3 Điều 5a NĐ 17/2023	KHÔNG - hệ thống AI không được xác định là tác giả, đồng tác giả
Tác phẩm AI có được bảo hộ?	Khoản 3 Điều 14, khoản 5 Điều 6 Luật SHTT; khoản 1, 2, 9 Điều 5a NĐ 17/2023 (bổ sung bởi NĐ 134/2026)	Chỉ được bảo hộ khi con người đóng góp đáng kể, mang tính quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung; sản phẩm hoàn toàn do AI tạo ra không phát sinh quyền tác giả
Quyền của người dùng AI?	Các Điều 18, 19, 20 Luật SHTT: quyền nhân thân, quyền tài sản của tác giả	Có quyền nhân thân, quyền tài sản đối với phần do mình trực tiếp sáng tạo

Tình huống	Quy định pháp lý	Kết luận
Quyền của người tạo prompt?	Điểm a khoản 1, khoản 8 Điều 5a NĐ 17/2023 (thiết lập câu lệnh là một hình thức đóng góp; lịch sử câu lệnh là tài liệu chứng minh); khoản 4 Điều 15 Luật SHTT (ý tưởng không thuộc phạm vi bảo hộ)	Thiết lập câu lệnh được tính là đóng góp của con người, nhưng chỉ làm phát sinh quyền tác giả khi cùng các đóng góp khác đạt mức đáng kể và mang tính quyết định; prompt chỉ nêu ý tưởng không đủ điều kiện; phải lưu Prompt Log và khai báo
Quyền của người chỉnh sửa sản phẩm AI?	Điểm a khoản 1 Điều 5a NĐ 17/2023 (đánh giá, lựa chọn, chỉnh sửa, can thiệp kết quả AI); khoản 3 Điều 14 Luật SHTT; khoản 8 Điều 4, khoản 2 Điều 14 (tác phẩm phái sinh, nếu có sử dụng tác phẩm được bảo hộ của người khác)	Được bảo hộ khi việc chỉnh sửa, phát triển đạt mức đóng góp đáng kể, mang tính quyết định theo khoản 1 Điều 5a; chỉnh sửa không đáng kể không làm phát sinh quyền tác giả
Dùng tác phẩm người khác huấn luyện AI?	Khoản 5 Điều 7 Luật SHTT; Điều 37a, 37b, 37c NĐ 17/2023 (bổ sung bởi NĐ 134/2026); khoản 3 Điều 7 Luật Trí tuệ nhân tạo	Chỉ sử dụng văn bản, dữ liệu đã công bố hợp pháp, tiếp cận hợp pháp, cho mục đích nghiên cứu, thử nghiệm, huấn luyện AI không nhằm mục đích thương mại; tôn trọng quyền bảo lưu của chủ thể quyền; khai thác thương mại phải trả tiền bản quyền. Không đưa tác phẩm chưa công bố của người khác vào huấn luyện, tinh chỉnh AI
Dùng hình ảnh nghệ sĩ / diễn viên bằng AI?	Điều 32 BLDS 2015: quyền của cá nhân đối với hình ảnh; khoản 4 Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo (gắn nhãn nội dung mô phỏng ngoại hình người thật); Điều 29 Luật SHTT (quyền của người biểu diễn)	PHẢI có sự đồng ý của người đó - xâm phạm quyền của cá nhân đối với hình ảnh nếu không có sự đồng ý
Deepfake	Điểm b khoản 2 Điều 7, khoản 4 Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo; Luật	Nghiêm cấm dùng trong mọi sản phẩm học tập tại Trường

Tình huống	Quy định pháp lý	Kết luận
	Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15; điểm g khoản 2 Điều 7, điểm h khoản 3 Điều 13 Luật An ninh mạng số 116 / 2025 / QH15; Điều 32 BLDS 2015; có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu cấu thành tội phạm	
Voice cloning	Điều 25 BLDS 2015 (quyền nhân thân); Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (giọng nói có thể là dữ liệu giúp xác định một con người cụ thể – khoản 1 Điều 2); khoản 4 Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo (gắn nhãn nội dung mô phỏng giọng nói người thật); điểm g khoản 2 Điều 7 Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15; Điều 29 Luật SHTT (khi sử dụng cuộc biểu diễn đã định hình)	PHẢI có sự đồng ý; vi phạm nghiêm trọng nếu không có
AI Cover	Điều 20 Luật SHTT (quyền tài sản của tác giả tác phẩm âm nhạc gốc); Điều 29, Điều 30 Luật SHTT (quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình); khoản 4 Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo	Cần hai lớp cấp phép; phổ biến công cộng không phép là vi phạm
AI Remix	Khoản 8 Điều 4, khoản 2 Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 20 Luật SHTT: tác phẩm phái sinh; quyền làm tác phẩm phái sinh thuộc chủ sở hữu quyền tác giả	Phải xin phép tác giả gốc; khai báo nguồn gốc
AI Screenplay	Điều 12a, khoản 3 Điều 14, khoản 5 Điều 6 Luật SHTT; khoản 1, 3, 9 Điều 5a ND 17/2023	Người học là tác giả khi có đóng góp đáng kể và mang tính quyết định (trực tiếp viết, biên tập, lựa chọn, quyết định kết quả cuối cùng); kịch bản hoàn toàn do

Tình huống	Quy định pháp lý	Kết luận
		AI tạo ra không phát sinh quyền tác giả; phải khai báo AI

3.4. Điều khoản sử dụng các công cụ AI phổ biến

Sinh viên phải đọc kỹ và tuân thủ điều khoản dịch vụ (Terms of Service) của từng công cụ AI. Tóm tắt một số điểm quan trọng tại thời điểm biên soạn Sổ tay (năm 2026), chỉ mang tính tham khảo:

- ChatGPT (OpenAI): người dùng sở hữu output của mình; OpenAI không nhận quyền tác giả; việc output có được bảo hộ quyền tác giả hay không do pháp luật của quốc gia nơi yêu cầu bảo hộ quyết định (tại Việt Nam, áp dụng Luật SHTT theo Mục 3.1).

- Midjourney: người dùng có license sử dụng; quyền sở hữu thương mại phụ thuộc gói đăng ký. Gói miễn phí có giới hạn thương mại.

- Adobe Firefly: được huấn luyện trên ảnh được cấp phép; nhà cung cấp công bố phù hợp sử dụng thương mại; người sử dụng vẫn phải kiểm tra điều kiện cụ thể của gói dịch vụ.

- Suno/Udio: quyền sử dụng cá nhân; sử dụng thương mại cần gói trả phí.

- Lưu ý: điều khoản thay đổi thường xuyên - sinh viên có trách nhiệm cập nhật. Điều khoản dịch vụ là thỏa thuận dân sự giữa người sử dụng và nhà cung cấp, không thay thế quy định của pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ.

3.5. Quyền sở hữu sản phẩm sáng tạo có sử dụng AI hình thành từ nguồn lực của Nhà trường

Mục này áp dụng đối với đồ án, khóa luận tốt nghiệp, phim/vở diễn thực hành, đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên và các sản phẩm sáng tạo khác có sử dụng AI, trong quá trình thực hiện có sử dụng một hoặc nhiều nguồn lực của Trường, bao gồm: thiết bị quay dựng, phòng dựng, studio, sân khấu thực hành; kinh phí đề tài, dự án; dữ liệu hoặc học liệu thuộc quyền quản lý của Nhà trường.

- Đối với sản phẩm hình thành từ các nguồn lực nêu trên, quyền sở hữu, quyền khai thác được xác lập theo thỏa thuận giữa sinh viên - giảng viên hướng dẫn - Nhà trường, trên cơ sở Quy chế nghiên cứu khoa học, Quy chế quản lý tài sản, quy định

về sở hữu trí tuệ hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan; Sổ tay này không tự đặt ra chế độ sở hữu trí tuệ mới. Việc xác định chủ sở hữu quyền tác giả căn cứ các Điều 36 đến Điều 42 Luật SHTT (trong đó có trường hợp tổ chức giao nhiệm vụ hoặc giao kết hợp đồng sáng tạo tác phẩm tại Điều 39); đối với kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện theo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 (khoản 3 Điều 7 Luật SHTT).

- Sinh viên có nghĩa vụ khai báo tại Mẫu K1 (Chương 7.3) việc sản phẩm/bài nộp có sử dụng nguồn lực của Nhà trường (nếu có), làm cơ sở để đơn vị chuyên môn xác định quyền sở hữu, quyền khai thác theo thẩm quyền.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu, quyền khai thác sản phẩm sáng tạo có sử dụng AI, việc giải quyết thực hiện theo quy chế nội bộ và quy định pháp luật hiện hành về sở hữu trí tuệ.

Nguyên tắc bảo mật dữ liệu sáng tạo: Sinh viên, giảng viên không đưa kịch bản gốc, footage, tư liệu quay dựng, ảnh gốc, bản thiết kế, bản nhạc, tác phẩm hoặc sản phẩm chưa công bố vào công cụ AI công cộng khi chưa được sự đồng ý của chủ thể có quyền, do dữ liệu nhập vào các công cụ này có thể được sử dụng để huấn luyện hoặc lưu trữ ngoài phạm vi kiểm soát của Nhà trường và tác giả. Đối với dữ liệu cá nhân (hình ảnh, giọng nói, thông tin nhận dạng của diễn viên, nhân vật, người học), việc đưa vào công cụ AI phải tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 (sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo Điều 9; xử lý dữ liệu cá nhân trong môi trường trí tuệ nhân tạo theo Điều 30) và Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15. 

CHƯƠNG 4: LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT VÀ AI**4.1. Nguyên tắc liêm chính học thuật trong môi trường AI**

Liêm chính học thuật (Academic Integrity) là cam kết và nền tảng giá trị trong học tập và nghiên cứu, bao gồm: trung thực, công bằng, tin cậy, tôn trọng và trách nhiệm (ICAI - International Center for Academic Integrity). Việc sử dụng AI không miễn trừ sinh viên khỏi các nghĩa vụ liêm chính học thuật. Nghĩa vụ liêm chính học thuật của người học được thực hiện theo Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT (giáo dục giá trị trung thực, trách nhiệm, kỷ luật tại khoản 1 Điều 7; hành vi vi phạm quy chế của nhà trường bị xem xét xử lý kỷ luật tại điểm b khoản 1 Điều 20), Quy chế Công tác sinh viên (Quyết định số 736/QĐ-SKĐAHN) và Quy chế đào tạo (Quyết định số 909/QĐ-SKĐAHN) của Nhà trường; phù hợp yêu cầu tuân thủ đạo đức nghiên cứu, liêm chính khoa học, phòng ngừa gian lận, đạo văn khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại khoản 3 Điều 6 Luật Trí tuệ nhân tạo. Định nghĩa của ICAI được sử dụng là tài liệu tham chiếu.

4.2. Ma trận phân loại: Được phép - Không được phép - Gian lận

Loại sử dụng AI	Mô tả	Đánh giá
AI hỗ trợ ✓	Dùng AI tra cứu ý tưởng ban đầu, sau đó tự phát triển độc lập	ĐƯỢC PHÉP - phải khai báo
AI hỗ trợ ✓	Dùng AI sửa lỗi ngữ pháp, chính tả bài viết của mình	ĐƯỢC PHÉP - phải khai báo (mức (d) tại Mẫu K1)
AI hỗ trợ ✓	Dùng AI tổng hợp tài liệu nghiên cứu, sau đó tự phân tích	ĐƯỢC PHÉP - phải khai báo
AI hỗ trợ ✓	Dùng AI tạo concept ảnh/nhạc để tham khảo, sau đó sáng tác riêng	ĐƯỢC PHÉP - phải khai báo
AI thay thế △	Dùng AI viết phần lớn bài luận, chỉ sửa nhỏ	KHÔNG ĐƯỢC PHÉP - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)
AI thay thế △	Nộp sản phẩm AI (nhạc, ảnh, video) như tác phẩm của mình	KHÔNG ĐƯỢC PHÉP - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)

Loại sử dụng AI	Mô tả	Đánh giá
AI gian lận ✕	Dùng AI làm toàn bộ bài thi, luận văn mà không khai báo	GIAN LẬN - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)
AI đạo văn ✕	Copy nội dung AI và trình bày như ý kiến của bản thân	ĐẠO VĂN - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)
AI dịch hộ ✕	Dùng AI dịch toàn bộ bài tập ngoại ngữ mà không khai báo	GIAN LẬN - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)
AI viết hộ ✕	Thuê/nhờ AI viết toàn bộ đề tài, kịch bản, luận văn	GIAN LẬN - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)
AI làm phim hộ ✕	Dùng AI tạo toàn bộ video nộp như sản phẩm học phần	GIAN LẬN - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)
AI dựng hình hộ ✕	Nộp tranh/ảnh AI như tác phẩm sáng tác cá nhân không khai báo	GIAN LẬN - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)
AI sáng tác nhạc hộ ✕	Nộp tác phẩm âm nhạc do AI tạo như sáng tác của mình	GIAN LẬN - xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Chương 10)

4.3. Xác định ranh giới hỗ trợ - thay thế - gian lận

Ranh giới cốt lõi: AI hỗ trợ khi con người vẫn là chủ thể sáng tạo, tư duy và kiểm soát chất lượng. AI thay thế khi máy làm việc còn người chỉ kiểm duyệt qua loa. AI gian lận khi người học không khai báo và tự nhận công lao.

Đối chiếu với Mục 10.2: "AI hỗ trợ" là hành vi được phép; "AI thay thế" có khai báo tương ứng nhóm "Sử dụng AI vượt phạm vi cho phép của chuyên ngành nhưng có khai báo"; "AI gian lận", "AI đạo văn" và các trường hợp "làm hộ" tương ứng nhóm "Không khai báo, khai báo không trung thực hoặc đạo văn AI" hoặc nhóm "Hành vi có tính chất nghiêm trọng hoặc tái diễn", tùy tính chất, mức độ. Việc kết luận và xử lý thực hiện theo quy chế hiện hành của Nhà trường. 

Nguyên tắc vàng: Nếu bạn không thể giải thích và bảo vệ từng ý tưởng trong bài nộp trước giảng viên, bài nộp có dấu hiệu không bảo đảm liên chính học thuật và sẽ được xem xét theo quy trình tại Mục 9.4 - bất kể có sử dụng AI hay không. *m*✓

CHƯƠNG 5: QUY ĐỊNH RIÊNG THEO CHUYÊN NGÀNH**5.1. Nguyên tắc áp dụng quy định theo chuyên ngành**

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có đặc thù đào tạo nghệ thuật chuyên sâu với nhiều chuyên ngành có tính thực hành cao và đòi hỏi năng lực sáng tạo cá nhân độc lập. Vì vậy, bên cạnh quy định chung, mỗi khoa/chuyên ngành có quy định riêng về sử dụng AI.

5.2. Khoa Sân khấu

Nội dung	Quy định
Công cụ AI được phép	ChatGPT/Claude tra cứu lý luận sân khấu; AI dịch kịch bản tham khảo; AI hỗ trợ phân tích nhân vật
Phạm vi/mức độ AI hỗ trợ được chấp nhận	AI chỉ được sử dụng ở công đoạn tra cứu lý luận, gợi ý khung sườn cấu trúc kịch bản/tiểu luận hoặc dịch tham khảo; toàn bộ lời thoại, tình huống kịch, lập luận phân tích nhân vật phải do sinh viên trực tiếp viết, phát triển và chịu trách nhiệm; sinh viên phải mô tả rõ phần việc tự thực hiện và cách kiểm chứng, chỉnh sửa tại Mẫu K1; phải có khả năng giải thích, bảo vệ toàn bộ nội dung trước giảng viên
Hành vi bị cấm	Dùng AI tạo kịch bản và nộp như sáng tác của mình; dùng deepfake tái tạo diễn viên; dùng AI thay thế luyện tập biểu diễn
Mình chứng phải lưu	Prompt log; bản gốc AI output; bản chỉnh sửa; khai báo AI (Mẫu K1)

5.3. Khoa Nghệ thuật Điện ảnh

Nội dung	Quy định
Công cụ AI được phép	AI hỗ trợ ý tưởng kịch bản; AI tra cứu phân tích phim; AI tạo storyboard thô để tham khảo; AI hỗ trợ hậu kỳ màu sắc, âm thanh
Phạm vi/mức độ AI hỗ trợ được chấp nhận	AI chỉ được sử dụng để gợi ý ý tưởng, tra cứu, tạo storyboard thô mang tính tham khảo hoặc hỗ trợ kỹ thuật hậu kỳ (màu sắc, âm thanh); cấu tứ kịch bản, quyết định đạo diễn, dựng hình, diễn xuất là phần việc sinh viên trực tiếp thực hiện; đối với đồ án tốt nghiệp, AI không được thay thế năng lực sáng tạo cốt lõi (viết kịch bản, đạo diễn, quay dựng); sinh viên phải mô tả phạm vi hỗ trợ, phần tự thực hiện và cách kiểm chứng tại Mẫu K1

Nội dung	Quy định
Hành vi bị cấm	Dùng AI tạo video/phim nộp như sản phẩm học phần; dùng Sora/Runway làm toàn bộ phim; dùng deepfake diễn viên; AI cover nhạc phim
Minh chứng phải lưu	Prompt log; file AI gốc và file chỉnh sửa; khai báo AI (Mẫu K1) mô tả phạm vi hỗ trợ và phần việc tự thực hiện

5.4. Khoa Truyền hình

Nội dung	Quy định
Công cụ AI được phép	AI hỗ trợ viết script, tin tức; AI transcription; AI chỉnh sửa video; AI tạo đồ họa truyền hình
Phạm vi/mức độ AI hỗ trợ được chấp nhận	AI được dùng hỗ trợ transcription, gợi ý cấu trúc tin/kịch bản, chỉnh sửa kỹ thuật video, đồ họa; nội dung phóng sự (phỏng vấn, hình ảnh hiện trường, lời bình) phải do sinh viên trực tiếp thực hiện, không sử dụng AI tạo thay; đồ án thực hành phải thể hiện rõ kỹ năng tác nghiệp thực tế của sinh viên; sinh viên mô tả phần việc tự thực hiện và cách kiểm chứng tại Mẫu K1
Hành vi bị cấm	AI tạo toàn bộ phóng sự/chương trình; dùng AI voice thay giọng MC; deepfake nhân vật trong tin tức
Minh chứng phải lưu	Khai báo AI; file gốc và file chỉnh sửa; nhật ký sản xuất

Sản phẩm thực hành của sinh viên (tin, phóng sự, chương trình) khi công bố công khai trên kênh thực hành, mạng xã hội của Khoa/Trường phải được gắn nhãn “sản phẩm có hỗ trợ AI” nếu có sử dụng AI trong quá trình sản xuất, bảo đảm tính minh bạch thông tin đối với công chúng.

5.5. Khoa Nhiếp ảnh

Nội dung	Quy định
Công cụ AI được phép	AI chỉnh sửa ảnh (Lightroom AI, Photoshop AI - khử nhiễu, cân bằng màu); AI tham khảo bố cục
Phạm vi/mức độ AI hỗ trợ được chấp nhận	Hình ảnh nộp phải là ảnh thật do sinh viên chụp (file RAW gốc); AI chỉ được dùng hỗ trợ kỹ thuật hậu kỳ (khử nhiễu, cân bằng màu) hoặc tham khảo bố cục ở giai đoạn chuẩn bị; kỹ thuật chụp, ánh sáng, bố cục là phần việc bắt buộc do sinh viên trực tiếp thực hiện;

Nội dung	Quy định
	đồ án tốt nghiệp bắt buộc lưu và trình file RAW gốc; sinh viên mô tả phạm vi hỗ trợ AI và cách kiểm chứng tại Mẫu K1
Hành vi bị cấm	Nộp ảnh do AI tạo ra (Midjourney, DALL-E...) như ảnh nhiếp ảnh thực sự; AI hoàn toàn thay thế kỹ thuật chụp ảnh
Minh chứng phải lưu	File RAW gốc; metadata EXIF; lịch sử chỉnh sửa; khai báo AI nếu có chỉnh sửa AI

Ảnh có sử dụng AI hỗ trợ chỉnh sửa kỹ thuật khi trưng bày tại triển lãm tốt nghiệp hoặc công bố công khai phải được gắn chú thích rõ “ảnh có hỗ trợ chỉnh sửa AI”; sinh viên cần đặc biệt tuân thủ đạo đức nghề nghiệp khi sử dụng AI đối với ảnh tư liệu, ảnh báo chí, phóng sự ảnh, bảo đảm không làm sai lệch bản chất sự kiện, nhân vật được ghi nhận.

5.6. Khoa Thiết kế mỹ thuật

Nội dung	Quy định
Công cụ AI được phép	AI tạo reference, moodboard, color palette; AI hỗ trợ sketch concept; AI chỉnh sửa kỹ thuật
Phạm vi/mức độ AI hỗ trợ được chấp nhận	AI chỉ được dùng để tạo reference, moodboard, color palette hoặc phác thảo sơ bộ mang tính tham khảo ở giai đoạn hình thành ý tưởng; sản phẩm thiết kế nộp (tranh, phác thảo, mô hình, file dựng) phải thể hiện rõ kỹ năng thủ công hoặc phần mềm do chính sinh viên thực hiện; sinh viên mô tả phạm vi tham khảo AI, phần việc tự thực hiện và lưu phác thảo tay/process book làm minh chứng
Hành vi bị cấm	Nộp tranh/poster/ảnh AI nguyên bản như tác phẩm sáng tác cá nhân; AI thay thế kỹ năng vẽ tay trong học phần yêu cầu
Minh chứng phải lưu	Phác thảo tay; file phần mềm gốc; khai báo AI; process book

Giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm tổ chức, tại buổi phản biện đồ án, hoạt động so sánh, đối chiếu giữa kỹ thuật/bố cục do AI gợi ý với sáng tác tay của chính sinh viên; kết quả đối chiếu này phải được thể hiện trong process book, làm căn cứ đánh giá năng lực sáng tạo cá nhân của người học.

Chuyên ngành Hóa trang (thuộc Khoa Thiết kế mỹ thuật): AI tham khảo concept design, phân tích kỹ thuật hóa trang lịch sử được phép. Hành vi bị cấm: dùng AI deepfake để trình bày sản phẩm học phần.

5.7. Khoa Kịch hát dân tộc

Nội dung	Quy định
Công cụ AI được phép	AI hỗ trợ hòa âm, phối khí tham khảo; AI transcription nhạc; AI tạo nhạc nền thô để tham khảo
Phạm vi/mức độ AI hỗ trợ được chấp nhận	Tác phẩm âm nhạc nộp phải là sáng tác thực sự của sinh viên; AI chỉ được dùng hỗ trợ hòa âm/phối khí tham khảo, transcription hoặc tạo nhạc nền thô mang tính gợi ý ban đầu, không được sử dụng làm bản nhạc chính thức nộp; sinh viên mô tả phạm vi tham khảo AI, phần sáng tác trực tiếp và cách đối chiếu với nghệ nhân/giảng viên chuyên môn tại Mẫu K1
Hành vi bị cấm	Nộp tác phẩm do Suno/Udio/Boomy tạo ra như sáng tác của mình; AI cover giọng ca sĩ thật; AI remix bài có bản quyền
Minh chứng phải lưu	File nhạc MIDI gốc; bản nhạc viết tay; khai báo AI; audio ghi âm thực hành

Lưu ý đặc biệt: Do dữ liệu huấn luyện của các công cụ AI âm nhạc phổ biến hiện nay chưa đại diện đầy đủ cho làn điệu, nhạc cụ và di sản nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam (chèo, tuồng, cải lương...), sinh viên cần đặc biệt thận trọng khi sử dụng AI trong lĩnh vực âm nhạc, làn điệu dân tộc; mọi kết quả AI liên quan đến chất liệu âm nhạc truyền thống phải được đối chiếu, thẩm định với nghệ nhân, giảng viên chuyên môn trước khi sử dụng tham khảo, bảo đảm không làm sai lệch hoặc san phẳng bản sắc nghệ thuật dân tộc.

5.8. Khoa Múa

Nội dung	Quy định
Công cụ AI được phép	AI hỗ trợ phân tích động tác (motion analysis), tham khảo tư liệu biên đạo (choreography reference); AI tra cứu lý luận múa, lịch sử nghệ thuật múa dân tộc và múa đương đại
Phạm vi/mức độ AI hỗ trợ được chấp nhận	Motion-capture AI, AI hỗ trợ dàn dựng đội hình chỉ được sử dụng ở giai đoạn tham khảo, xây dựng ý tưởng ban đầu; phần trình diễn, luyện tập, cảm thụ cơ thể và quyết định dàn dựng cuối cùng phải do sinh viên/biên đạo trực tiếp thực hiện; sinh viên mô tả phạm vi tham khảo AI, phần dàn dựng tự thực hiện và lưu nhật ký tập luyện thực tế làm minh chứng

Nội dung	Quy định
Hành vi bị cấm	Dùng AI thay thế hoàn toàn quá trình luyện tập, cảm thụ cơ thể của diễn viên múa; dùng AI tạo hoặc mô phỏng động tác biểu diễn để nộp thay cho phần trình diễn thực; dùng deepfake/AI tái tạo hình ảnh diễn viên múa
Minh chứng phải lưu	Prompt log; tư liệu tham khảo AI gốc; nhật ký tập luyện, dàn dựng thực tế; khai báo AI (Mẫu K1)

5.9. Khoa Kiến thức cơ bản

- Các học phần Lý luận chính trị (Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh...): AI hỗ trợ tra cứu, tổng hợp tài liệu tham khảo được phép; nghiêm cấm sử dụng AI viết thay bài thu hoạch, tiểu luận, bài kiểm tra nhận thức chính trị nhằm bảo đảm tính trung thực trong đánh giá lập trường, bản lĩnh chính trị của người học. Mọi nội dung có sử dụng AI hỗ trợ tra cứu phải khai báo.

- Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cơ sở khối ngành: AI hỗ trợ tra cứu, tổng quan tài liệu được phép. Phân tích, lập luận, đánh giá phải là sản phẩm của sinh viên; sinh viên mô tả rõ phạm vi AI hỗ trợ (tra cứu, tổng hợp tài liệu), phân lập luận, đánh giá do bản thân trực tiếp thực hiện và cách kiểm chứng thông tin tại Mẫu K1. Phải khai báo theo quy định. 

CHƯƠNG 6: QUY TRÌNH SỬ DỤNG AI

6.1. Quy trình chuẩn sử dụng AI trong học tập và sáng tạo

- Bước 1: [Ý TƯỞNG]** - Xác định mục tiêu sáng tạo/học tập của bản thân TRƯỚC khi dùng AI
- Bước 2: [THIẾT KẾ PROMPT]** - Viết prompt rõ ràng, cụ thể; lưu prompt vào Prompt Log
- Bước 3: [NHẬN KẾT QUẢ AI]** - Thu thập output; lưu bản gốc AI chưa chỉnh sửa
- Bước 4: [ĐÁNH GIÁ PHẢN BIỆN]** - Kiểm tra độ chính xác, thiên lệch, hallucination
- Bước 5: [KIỂM CHỨNG]** - Xác minh thông tin sự kiện với nguồn học thuật độc lập
- Bước 6: [HIỆU CHỈNH & SÁNG TẠO]** - Chỉnh sửa, bổ sung, phát triển ý tưởng của bản thân
- Bước 7: [KHAI BÁO]** - Điền Mẫu khai báo sử dụng AI (Mẫu K1 – Chương 7.3), mô tả đầy đủ các nội dung bắt buộc theo quy định; lưu AI Usage Log
- Bước 8: [TRÍCH DẪN & NỘP BÀI]** - Trích dẫn AI theo quy định Chương 8; nộp kèm khai báo AI

6.2. Nguyên tắc thiết kế prompt hiệu quả

- Rõ ràng về bối cảnh: cung cấp ngữ cảnh đầy đủ cho AI (ngành học, mục tiêu, phong cách yêu cầu).
- Cụ thể về yêu cầu đầu ra: định dạng, độ dài, ngôn ngữ, phong cách.
- Phân tách nhiệm vụ phức tạp: chia thành nhiều prompt nhỏ thay vì một prompt dài.
- Phản hồi và tinh chỉnh: sử dụng kết quả đầu tiên để cải thiện prompt, không chấp nhận ngay.
- Lưu prompt: ghi lại prompt tốt vào Prompt Log để tái sử dụng và khai báo.

CHƯƠNG 7: QUY ĐỊNH KHAI BÁO AI

7.1. Nghĩa vụ khai báo AI

Khai báo sử dụng AI là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi sinh viên của Trường SKĐAHN khi nộp bài tập, tiểu luận, đồ án, tác phẩm nghệ thuật hoặc bất kỳ sản phẩm học thuật nào có sử dụng công cụ AI. Khai báo không trung thực hoặc không khai báo khi có sử dụng AI bị coi là vi phạm liêm chính học thuật và được xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành của Nhà trường (Chương 10).

Nghĩa vụ khai báo được xác lập trên cơ sở nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình tại khoản 3 Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo; định hướng tại Mục VII.3 Khung nội dung kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp kinh doanh (Quyết định số 2650/QĐ-BGDĐT): khi sản phẩm, báo cáo hoặc minh chứng có sử dụng trí tuệ nhân tạo, cơ sở giáo dục hướng dẫn người học nêu công cụ, mục đích và phạm vi hỗ trợ, phần việc do người học trực tiếp thực hiện và cách kiểm chứng, chỉnh sửa kết quả (tương ứng các nội dung (1) đến (5) của Mẫu K1); yêu cầu kê khai trung thực việc sử dụng hệ thống AI và lưu lịch sử câu lệnh làm tài liệu chứng minh tại khoản 7, khoản 8 Điều 5a Nghị định số 17/2023/NĐ-CP; và Quy chế Công tác sinh viên của Nhà trường (Quyết định số 736/QĐ-SKĐAHN).

Khai báo tại Mẫu K1 là nghĩa vụ học thuật nội bộ, không thay thế trách nhiệm thông báo, gắn nhãn theo Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo. Khi sản phẩm có sử dụng AI được công bố, trình chiếu, phát hành ra công chúng (liên hoan, triển lãm, kênh thực hành, mạng xã hội của Khoa/Trường), nội dung do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa có khả năng gây nhầm lẫn về tính xác thực của sự kiện, nhân vật, hoặc mô phỏng ngoại hình, giọng nói của người thật phải được thông báo, gắn nhãn để nhận biết theo khoản 3, khoản 4 Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo và quy định của Chính phủ; đối với tác phẩm điện ảnh, nghệ thuật hoặc sáng tạo, việc gắn nhãn thực hiện theo phương thức phù hợp, không cản trở việc hiển thị, trình diễn, thương thức tác phẩm.

7.2. Phạm vi khai báo

- Mọi công cụ AI được sử dụng trong quá trình thực hiện bài tập, bất kể tỉ lệ sử dụng.

- Bao gồm: chatbot AI (ChatGPT, Claude, Gemini...), AI tạo ảnh, AI tạo âm thanh, AI video, AI dịch thuật, AI chỉnh sửa văn bản (kể cả tính năng AI gợi ý viết lại câu, sửa ngữ pháp, diễn đạt), AI tóm tắt tài liệu.

- Không bao gồm: chức năng kiểm tra chính tả theo từ điển tích hợp sẵn trong phần mềm soạn thảo (chỉ đánh dấu lỗi, không viết lại câu, không đề xuất diễn đạt); công cụ dịch máy khi chỉ dùng để tra nghĩa từ đơn lẻ, thuật ngữ (không dịch câu, đoạn đưa vào bài); phần mềm chỉnh sửa ảnh, âm thanh, video thao tác thủ công, không sử dụng tính năng AI.

7.3. Mẫu khai báo AI (K1) - bắt buộc kèm theo mọi bài nộp

Mẫu K1 áp dụng thống nhất cho bài viết học thuật (tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận) và sản phẩm sáng tạo nghệ thuật (kịch bản, phim, ảnh, thiết kế, âm nhạc, video, sản phẩm truyền thông). Mẫu K1 KHÔNG sử dụng “tỷ lệ AI ước tính (%)” làm thông tin trung tâm mà thể hiện đầy đủ 08 nội dung theo Phần A, B, C dưới đây.

Phần A - Thông tin chung

Trường thông tin	Nội dung
Họ và tên sinh viên	
Mã số sinh viên:	
Lớp / Khoa	
Học phần / Mã học phần	
Giảng viên hướng dẫn:	
Tên bài nộp/sản phẩm, đề án, tác phẩm	
Loại hình sản phẩm	☐ Kịch bản/văn bản ☐ File dựng phim/âm thanh ☐ Ảnh RAW/thiết kế ☐ Nhạc MIDI/âm nhạc ☐ Diễn xuất/biểu diễn (ghi hình) ☐ Khác:
Ngày nộp	

Phần B - Khai báo sử dụng AI

☐ Tôi KHÔNG sử dụng bất kỳ công cụ AI nào trong quá trình thực hiện sản phẩm/bài nộp này.

☐ Tôi CÓ sử dụng công cụ AI, khai báo chi tiết theo các nội dung bắt buộc dưới đây (kê khai từng công cụ trên một dòng):

(1) Công cụ AI đã sử dụng (tên, phiên bản)	(2) Mục đích sử dụng	(3) Phạm vi/mức độ AI hỗ trợ và công đoạn sử dụng	(4) Phần việc do chính sinh viên trực tiếp thực hiện	(5) Cách kiểm chứng, chỉnh sửa và chịu trách nhiệm đối với kết quả AI
Ví dụ: ChatGPT-4	Gợi ý bố cục 3 hồi cho kịch bản	Chỉ tham khảo ý tưởng khung sườn ở giai đoạn hình thành ý tưởng, không sử dụng câu chữ AI tạo ra	Toàn bộ lời thoại, tình huống kịch do sinh viên trực tiếp viết	Đối chiếu với giáo trình biên kịch, tham vấn giảng viên hướng dẫn trước khi hoàn thiện
.....				
.....				

Ghi chú về “phạm vi/mức độ hỗ trợ”: mô tả định tính, chọn một hoặc kết hợp các mức sau - (a) Gợi ý/tham khảo ý tưởng ban đầu; (b) Xử lý kỹ thuật (dựng, hòa âm, hiệu chỉnh màu, tách nhạc nền...); (c) Tạo bản nháp/nguyên mẫu để phát triển tiếp; (d) Kiểm tra, rà soát lỗi chính tả/ngữ pháp/kỹ thuật. Không sử dụng chỉ tiêu tỷ lệ phần trăm làm căn cứ duy nhất.

(6) Nguồn lực của Nhà trường được sử dụng (nếu có):

☐ Thiết bị quay dựng

☐ Phòng dựng/studio/sân khấu

☐ Kinh phí đề tài, dự án

☐ Dữ liệu/học liệu của Trường

☐ Không sử dụng. (Xem mục 3.5 Chương 3 về quyền sở hữu, quyền khai thác.)

Phần C – Cam kết của người học

(7) Tôi cam kết nội dung khai báo trên là trung thực, đầy đủ; sản phẩm/bài nộp phản ánh đúng phần đóng góp trí tuệ và sáng tạo cá nhân của tôi; tôi có thể giải thích, bảo vệ toàn bộ nội dung trước giảng viên và hội đồng khi được yêu cầu; tôi không đưa dữ liệu cá nhân (hình ảnh, giọng nói, thông tin nhận dạng) của người khác vào công cụ AI khi chưa có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; nội dung do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa, khi được công bố công khai, được thông báo, gắn nhãn theo quy định (Mục 7.1); tôi hiểu rằng khai báo không trung thực hoặc không khai báo khi có sử dụng AI được xem xét, xử lý theo Chương 10 của Sổ tay này và các Quy chế hiện hành của Nhà trường.

(8) Họ tên: Mã sinh viên:
 Lớp: Học phần/đề án/tác phẩm:
 Ký tên: Ngày:
 Xác nhận của giảng viên (nếu áp dụng):
 Ngày: 

CHƯƠNG 8: QUY ĐỊNH TRÍCH DẪN AI

8.1. Nguyên tắc trích dẫn AI

Trích dẫn AI là công nhận nguồn gốc AI trong bài viết học thuật. Mục đích: (1) bảo đảm minh bạch học thuật; (2) cho phép người đọc đánh giá độ tin cậy của thông tin; (3) hỗ trợ tái tạo (reproducibility) quy trình nghiên cứu.

Lưu ý: AI không phải nguồn học thuật có thẩm quyền. Không trích dẫn AI như tài liệu học thuật. AI chỉ được trích dẫn để ghi nhận công cụ đã sử dụng, không phải để chứng minh luận điểm.

8.2. Chuẩn trích dẫn theo APA 7

Định dạng chung:

Tên công cụ. (Năm). Mô tả output [Công cụ AI tạo sinh]. Tên công ty. Ngày truy cập. URL

Ví dụ:

- ChatGPT: OpenAI. (2024). Phân tích cấu trúc kịch bản ba hồi trong điện ảnh [Phản hồi từ ChatGPT]. OpenAI. Ngày 15 tháng 6 năm 2026. <https://chat.openai.com>

- Claude: Anthropic. (2024). Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu về đạo diễn sân khấu [Phản hồi từ Claude]. Anthropic. Ngày 20 tháng 6 năm 2026. <https://claude.ai>

- Midjourney: Midjourney. (2024). Concept art nhân vật kịch cổ điển [Hình ảnh tạo bởi Midjourney]. Midjourney Inc. Ngày 10 tháng 6 năm 2026. Prompt: “traditional Vietnamese theater character, ink wash style, detailed costume”

- Sora: OpenAI. (2024). [Đoạn video thực nghiệm cảnh sân khấu do AI tạo]. OpenAI Sora. Ngày 5 tháng 6 năm 2026. <https://sora.com>

8.3. Chuẩn trích dẫn nội bộ Trường SKĐAHN

Trong bài nộp, khi đề cập đến thông tin hoặc nội dung từ AI, sinh viên ghi chú cuối trang hoặc nội tuyến:

- [AI-ChatGPT-2026] - nội dung này được hỗ trợ bởi ChatGPT (OpenAI), ngày 15/6/2026. Xem khai báo AI (Mẫu K1).

- [AI-Claude-2026] - ý kiến này được hỗ trợ bởi Claude (Anthropic), ngày 20/6/2026.

- [AI-Midjourney-2026] - hình ảnh này được tạo bởi Midjourney v6, ngày 10/6/2026. Prompt lưu trong Prompt Log. 

CHƯƠNG 9: ĐẠO VĂN VÀ PHÁT HIỆN NỘI DUNG AI

9.1. Tổng quan về phát hiện đạo văn và nội dung AI

Trường SKĐAHN áp dụng kiểm tra đạo văn và phát hiện nội dung AI đối với: tiểu luận cuối kỳ, khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp, báo cáo thực tập, bài nghiên cứu khoa học sinh viên. (Nhà trường có văn bản quy định cụ thể và gửi thông báo toàn Trường khi trang bị đầy đủ phần mềm).

Việc đưa bài làm, sản phẩm của người học lên phần mềm kiểm tra là hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân và sử dụng tác phẩm của người học. Nhà trường thực hiện: (i) thông báo cho người học về loại dữ liệu, mục đích xử lý, đơn vị kiểm soát dữ liệu, quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu và thu nhận sự đồng ý theo Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, trừ trường hợp không cần sự đồng ý theo Điều 19 Luật này; (ii) khi phần mềm do nhà cung cấp sử dụng nền tảng ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, thực hiện quy định về chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới tại Điều 20 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; (iii) ưu tiên chế độ không lưu bài làm vào kho dữ liệu chung của nhà cung cấp, trừ trường hợp người học đồng ý, bảo đảm quyền tác giả của người học theo Luật SHTT.

Nội dung đồng ý mẫu (tích hợp vào hệ thống nộp bài hoặc Mẫu K1): "Tôi đồng ý để Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội xử lý bài nộp và thông tin cá nhân kèm theo (họ tên, mã sinh viên, lớp) bằng phần mềm kiểm tra tương đồng và phát hiện nội dung AI, chỉ cho mục đích đánh giá liên chính học thuật của học phần/đồ án này. Tôi đã được thông báo về đơn vị kiểm soát dữ liệu, nơi lưu trữ, thời hạn lưu trữ dữ liệu và các quyền của chủ thể dữ liệu theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân."

9.2. Phần mềm và công cụ

Công cụ	Loại kiểm tra	Tính chất kết quả	Giới hạn & Lưu ý
Turnitin	Đạo văn văn bản	Chỉ số similarity là thông tin tham khảo, không phải ngưỡng xử lý tự động; giảng viên/Hội đồng đánh	Không phát hiện được AI viết tốt; có thể báo nhầm nội dung phổ thông

Công cụ	Loại kiểm tra	Tính chất kết quả	Giới hạn & Lưu ý
		giá theo từng trường hợp cụ thể, có đối chiếu trích dẫn hợp lệ	
iThenticate	Đạo văn văn bản (nghiên cứu)	Chỉ số similarity là thông tin tham khảo, không phải ngưỡng xử lý tự động	Dành cho bài nghiên cứu; hiệu quả cao với văn bản học thuật
Turnitin AI Detection	Phát hiện AI (LLM)	Là TÍN HIỆU/CHỈ BÁO phục vụ xác minh, KHÔNG phải bằng chứng kết luận	Độ chính xác không tuyệt đối; có thể báo nhầm; phải kết hợp các minh chứng khác theo Mục 9.3
GPTZero	Phát hiện AI	Là tín hiệu/chỉ báo phục vụ xác minh, KHÔNG phải bằng chứng kết luận	Công cụ bổ sung; cần kết hợp đánh giá giảng viên
Winston AI	Phát hiện AI + Đạo văn	Là tín hiệu/chỉ báo phục vụ xác minh, KHÔNG phải bằng chứng kết luận	Tổng hợp nhiều mô hình; phù hợp đa ngôn ngữ

Trường không quy định một ngưỡng phần trăm cố định làm căn cứ xử lý kỷ luật; kết quả của các công cụ nêu trên chỉ là dữ liệu đầu vào phục vụ quy trình xác minh tại Mục 9.4. Danh mục công cụ nêu trên là ví dụ tham khảo tại thời điểm biên soạn; Nhà trường chỉ sử dụng công cụ đã được trang bị và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Mục 9.1.

9.3. Độ tin cậy và giới hạn của AI detector

Quan trọng: Kết quả AI detector KHÔNG phải bằng chứng kết luận duy nhất và không tự động dẫn đến kết luận vi phạm. Kết quả công cụ phát hiện AI chỉ là một tín hiệu/chỉ báo trong quá trình xác minh tổng thể, phải được xem xét, đối chiếu cùng các minh chứng khác, bao gồm: prompt log; lịch sử chỉnh sửa; file gốc/sản phẩm trung gian; khai báo tại Mẫu K1; kết quả trao đổi, phỏng vấn sinh viên; khả năng giải thích, bảo vệ sản phẩm của sinh viên trước giảng viên; và các minh chứng chuyên môn khác

phù hợp với đặc thù sản phẩm nghệ thuật. Nguyên tắc này thực hiện khoản 2 Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo (trí tuệ nhân tạo không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người; bảo đảm sự kiểm soát và khả năng can thiệp của con người) và yêu cầu phòng ngừa rủi ro trong đánh giá, phân loại người học tại điểm b khoản 2 Điều 6 Luật này; mọi kết luận về vi phạm do giảng viên, đơn vị, hội đồng có thẩm quyền đưa ra và chịu trách nhiệm.

- AI detector có thể báo nhầm (false positive) với: văn phong học thuật chuyên nghiệp, văn bản kỹ thuật, văn dịch thuật, sinh viên viết ngoại ngữ.

- AI detector có thể bỏ sót (false negative) với: nội dung AI đã được chỉnh sửa nhiều, AI viết theo phong cách cá nhân được cung cấp.

9.4. Quy trình xử lý khi phát hiện nghi vấn

- Phần mềm báo tín hiệu bất thường → giảng viên ghi nhận, chưa kết luận vi phạm.

- Giảng viên phỏng vấn trực tiếp sinh viên về nội dung bài nộp trong thời hạn theo Quy chế khảo thí hiện hành (trường hợp Quy chế chưa quy định, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận tín hiệu), đối chiếu với khai báo tại Mẫu K1, prompt log, lịch sử chỉnh sửa và các minh chứng liên quan.

- Nếu sinh viên giải thích, chứng minh được nguồn gốc và mức độ đóng góp cá nhân → lưu hồ sơ, không xử lý vi phạm.

- Nếu sinh viên không giải thích được, không có khai báo AI hoặc khai báo không trung thực → chuyển Phòng KT&CTHSSV xem xét, xử lý theo quy định hiện hành.

- Phòng KT&CTHSSV lập biên bản, xác minh, tổng hợp minh chứng và đề xuất hướng xử lý trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế khảo thí hiện hành của Nhà trường.

CHƯƠNG 10: XỬ LÝ VI PHẠM

10.1. Nguyên tắc xử lý vi phạm liên quan đến AI

- Xử lý kịp thời, công bằng, minh bạch, có bằng chứng cụ thể.
- Sinh viên được quyền giải trình trước khi có quyết định xử lý (khoản 5 Điều 19 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT: sinh viên bị xem xét kỷ luật được tham dự họp xét kỷ luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân).
- Kết quả AI detector là tín hiệu/chỉ báo tham chiếu, không phải bằng chứng kết luận duy nhất; việc kết luận vi phạm phải dựa trên tổng hợp các minh chứng quy định tại Mục 9.3.
- Áp dụng nguyên tắc lũy tiến, xem xét yếu tố lần đầu/tái diễn khi đánh giá mức độ vi phạm (khoản 5, khoản 6 Điều 19 và Điều 22 Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT).
- Sổ tay AI là văn bản hướng dẫn nội bộ về đạo đức, quy trình và kỹ thuật sử dụng AI, không phải văn bản có thẩm quyền quy định mới về hình thức kỷ luật. Mọi hành vi vi phạm liên quan đến sử dụng AI được xem xét, xử lý theo Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế khảo thí và các quy định hiện hành khác của Nhà trường, cùng quy định pháp luật có liên quan; Sổ tay không tự đặt ra chế tài, hình thức kỷ luật mới ngoài các văn bản nêu trên.
- Các quy chế nêu trên được áp dụng theo văn bản hiện hành, kể cả văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) nhằm phù hợp với Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Nghị định số 91/2026/NĐ-CP và Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT.

10.2. Nhóm hành vi liên quan đến sử dụng AI cần lưu ý khi xem xét, xử lý

Bảng dưới đây liệt kê các nhóm hành vi liên quan đến sử dụng AI thường gặp, để giảng viên, đơn vị chuyên môn và Hội đồng có căn cứ đối chiếu khi xem xét, xử lý theo Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế khảo thí hiện hành của Nhà trường; bảng này không tự thiết lập mức xử lý hoặc thẩm quyền độc lập với các quy chế đó. 

Nhóm hành vi	Ví dụ minh họa	Định hướng xem xét
Vi phạm về quy trình, thủ tục khai báo	Quên khai báo AI ở lần nộp đầu; trích dẫn AI không đúng mẫu; chưa lưu đầy đủ prompt log	Nhắc nhở, hướng dẫn bổ sung; yêu cầu hoàn thiện khai báo trong thời hạn phù hợp theo hướng dẫn của giảng viên/đơn vị chuyên môn
Sử dụng AI vượt phạm vi cho phép của chuyên ngành nhưng có khai báo	Sử dụng AI ở công đoạn hoặc mức độ vượt quy định riêng của khoa/chuyên ngành tại Chương 5 dù đã khai báo	Xem xét, xử lý theo Quy chế đào tạo và Quy chế khảo thí hiện hành, trên cơ sở đối chiếu mức độ đóng góp sáng tạo cá nhân thực tế của sinh viên
Không khai báo, khai báo không trung thực hoặc đạo văn AI	Không khai báo dù có sử dụng AI; nộp sản phẩm AI như tác phẩm của mình mà không khai báo; sao chép nội dung AI trình bày như ý kiến cá nhân	Xem xét, xử lý theo Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, các quy định hiện hành của Nhà trường về liêm chính học thuật (nếu có)
Hành vi có tính chất nghiêm trọng hoặc tái diễn	Sử dụng AI gian lận trong thi, kiểm tra; thuê/nhờ AI hoặc bên thứ ba thực hiện toàn bộ sản phẩm học thuật; sử dụng deepfake/voice cloning trái phép; vi phạm bản quyền có chủ đích; tái diễn hành vi đã bị xử lý	Xem xét, xử lý theo Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế khảo thí hiện hành của Nhà trường và quy định pháp luật có liên quan (Luật SHTT, Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, Bộ luật Dân sự 2015); báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật

Thẩm quyền xem xét, kết luận và quyết định hình thức xử lý cụ thể (bao gồm cả các trường hợp liên quan đến đồ án, khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp) thực hiện theo phân cấp tại Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế khảo thí hiện hành của Trường; Sổ tay AI không tự quy định thẩm quyền mới.

10.3. Quy trình khiếu nại và giải quyết tranh chấp

- Sinh viên có quyền giải trình, khiếu nại đối với kết luận hoặc quyết định xử lý liên quan đến sử dụng AI theo trình tự, thời hạn quy định tại Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế khảo thí hiện hành của Nhà trường và quy định của pháp luật về khiếu nại.

- Khiếu nại gửi bằng văn bản đến Phòng KT&CTHSSV, nêu rõ lý do và cung cấp minh chứng liên quan (prompt log, file gốc, khai báo AI tại Mẫu K1...) để phục vụ việc xem xét lại.

- Phòng KT&CTHSSV tiếp nhận, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo trình tự, thời hạn quy định tại các Quy chế nêu trên; Sổ tay AI không tự đặt thời hạn, thẩm quyền hoặc cấp giải quyết cuối cùng khác với các Quy chế đó.

- Sinh viên có quyền khiếu nại lên cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại nếu không đồng ý với kết quả giải quyết của Nhà trường. ✓

CHƯƠNG 11: AI TRONG PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG, SẢN PHẨM MẪU VÀ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

11.1. Mục đích

Bên cạnh yêu cầu kiểm soát liên chính học thuật tại Chương 2, 4, 9, 10, Sổ tay AI xác lập định hướng khuyến khích sử dụng AI có trách nhiệm để hỗ trợ phát triển ý tưởng, tạo sản phẩm mẫu và thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực nghệ thuật, phù hợp định hướng sử dụng công cụ số, trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm gắn với năng lực sáng tạo, tạo giá trị và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của người học nêu tại Khung nội dung kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp kinh doanh dành cho học sinh, sinh viên (kèm theo Quyết định số 2650/QĐ-BGDĐT ngày 08/9/2026). Nội dung Chương này không làm phát sinh học phần, tín chỉ bắt buộc ngoài chương trình đào tạo hiện hành; việc vận dụng do khoa chuyên môn, giảng viên hướng dẫn và người học lựa chọn phù hợp với đặc thù ngành, nghề và điều kiện thực tế.

11.2. Các lĩnh vực AI có thể hỗ trợ tạo giá trị trong đào tạo nghệ thuật

- Hỗ trợ xây dựng storyboard, concept visual, thiết kế mỹ thuật ở giai đoạn hình thành ý tưởng;
- Hỗ trợ tạo sản phẩm mẫu/nguyên mẫu (pilot, trailer) để thử nghiệm ý tưởng và thu thập phản hồi trước khi hoàn thiện;
- Hỗ trợ phân tích phản hồi khán giả, nghiên cứu thị hiếu công chúng;
- Hỗ trợ lập dự toán sản xuất, kế hoạch triển khai dự án ở mức phù hợp;
- Hỗ trợ xây dựng nội dung, hình ảnh, video truyền thông, quảng bá dự án phim/vở diễn/tác phẩm tốt nghiệp;
- Hỗ trợ chuẩn bị thuyết trình, pitching dự án nghệ thuật, dự án khởi nghiệp sáng tạo;
- Hỗ trợ phát triển sản phẩm khả dụng tối thiểu (MVP) trong lĩnh vực nghệ thuật (ví dụ: trích đoạn phim ngắn, bản dựng thử vở diễn);
- Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong công nghiệp văn hóa, gắn với hoạt động ngoại khóa, cuộc thi ý tưởng sáng tạo và đồ án tốt nghiệp của sinh viên.

11.3. Nguyên tắc sử dụng AI trong hoạt động sáng tạo - tạo giá trị - khởi nghiệp

- AI là công cụ hỗ trợ tạo giá trị, KHÔNG thay thế năng lực sáng tạo cốt lõi của người học; phần đóng góp trí tuệ, nghệ thuật và quyết định cuối cùng thuộc về sinh viên.

- Nội dung, thông điệp truyền thông, quảng bá dự án có sử dụng AI phải trung thực, minh bạch, không phóng đại, không gây hiểu nhầm về chất lượng, quy mô hoặc kết quả của dự án.

- Việc sử dụng AI trong hoạt động này vẫn phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc đạo đức AI (Chương 2), quy định về quyền tác giả, sở hữu trí tuệ và bảo mật dữ liệu sáng tạo (Chương 3), quy trình khai báo (Chương 6, 7) và trích dẫn (Chương 8).

- Khuyến khích sinh viên, nhóm sinh viên vận dụng nội dung Chương này trong khuôn khổ hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ sáng tạo, cuộc thi ý tưởng, đồ án tốt nghiệp có yếu tố đổi mới sáng tạo - khởi nghiệp, trên cơ sở tự nguyện và hướng dẫn của giảng viên, không tạo áp lực tài chính hoặc rủi ro không cần thiết cho người học. ✓

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Checklist Sử dụng AI

CHECKLIST SỬ DỤNG AI - TRƯỚC KHI NỘP BÀI/SẢN PHẨM

- ☐ Tôi đã xác định rõ mục tiêu sáng tạo/học tập của bản thân TRƯỚC khi sử dụng AI.
- ☐ Tôi đã lưu đầy đủ Prompt Log (nhật ký câu lệnh) trong suốt quá trình thực hiện.
- ☐ Tôi đã kiểm chứng độc lập mọi thông tin sự kiện, số liệu, trích dẫn do AI cung cấp với nguồn học thuật có thẩm quyền.
- ☐ Tôi đã khai báo công cụ và mục đích sử dụng AI.
- ☐ Tôi đã mô tả rõ phạm vi/mức độ AI hỗ trợ và công đoạn sử dụng tại Mẫu K1 (Chương 7.3).
- ☐ Tôi đã xác định rõ phần việc do bản thân trực tiếp thực hiện.
- ☐ Tôi đã kiểm chứng và chỉnh sửa đầu ra AI, ghi rõ cách thức thực hiện.
- ☐ Tôi đã trích dẫn/khai báo AI theo chuẩn quy định (Chương 8).
- ☐ Tôi KHÔNG sử dụng trái phép hình ảnh, giọng nói, dữ liệu hoặc tác phẩm của người khác.
- ☐ Tôi KHÔNG sử dụng deepfake/voice cloning trái phép.
- ☐ Tôi không đưa tác phẩm, kịch bản, dữ liệu sáng tạo chưa công bố vào AI công cộng khi chưa được phép (Mục 3.5, Chương 3).
- ☐ Nếu sử dụng nguồn lực của Nhà trường (thiết bị, phòng dựng, kinh phí đề tài), tôi đã khai báo tại Mẫu K1.
- ☐ Tôi có khả năng giải thích và bảo vệ toàn bộ sản phẩm trước giảng viên/Hội đồng.

Phụ lục 2: Checklist quyền tác giả

- ☐ Tôi không sử dụng tác phẩm có bản quyền của người khác trong sản phẩm AI của mình
- ☐ Tôi đã kiểm tra điều khoản sử dụng của công cụ AI (Terms of Service)
- ☐ Nếu sử dụng hình ảnh/âm nhạc có bản quyền, tôi đã có phép hoặc sử dụng nguồn Creative Commons
- ☐ Tôi không dùng giọng nói/hình ảnh của nghệ sĩ thật để tạo AI cover/deepfake
- ☐ Tôi hiểu rằng chỉ phần do con người trực tiếp sáng tạo là căn cứ xác định quyền tác giả (Mục 3.1)

Phụ lục 3: Prompt mẫu dành cho sinh viên nghệ thuật SKĐAHN

Nhóm 1: Kịch bản và biên kịch

- “Phân tích cấu trúc 3 hồi của kịch bản [tên phim]. Nêu điểm xây dựng nhân vật và điểm ngoặt của câu chuyện.”
- “Gợi ý 5 xung đột nội tâm cho nhân vật chính trong câu chuyện về [chủ đề]. Phong cách điện ảnh hiện thực Việt Nam.”
- “Viết tóm tắt cốt truyện sơ bộ (logline) cho phim ngắn về [đề tài]. Độ dài 25 từ.”
- “Phân tích tâm lý nhân vật phản diện trong các tác phẩm điện ảnh Việt Nam thập niên 1980-2000.”
- “Gợi ý 10 câu thoại đặc trưng thể hiện mâu thuẫn thế hệ trong bối cảnh Hà Nội đương đại.”

Nhóm 2: Đạo diễn và dàn dựng

- “Phân tích ngôn ngữ hình ảnh trong phim [tên phim]: góc máy, ánh sáng, cắt dựng theo phong cách đạo diễn [tên đạo diễn].”
- “Gợi ý 5 phương án dàn cảnh (mise-en-scène) cho cảnh [mô tả ngắn]. Ưu tiên phong cách điện ảnh châu Á.”
- “Phân tích sự dụng ánh sáng chiều trong phim noir. Áp dụng vào cảnh quay nội thất truyện ngắn Việt Nam.”

Nhóm 3: Thiết kế và mỹ thuật

- “Tạo mô tả chi tiết về concept art cho không gian sân khấu [vở kịch]. Phong cách: hiện đại - truyền thống dung hợp.”
- “Gợi ý palette màu sắc phù hợp cho poster phim về đề tài [chủ đề]. Giải thích lý do tâm lý màu sắc.”

Nhóm 4: Nghiên cứu và lý luận

- “Tóm tắt các lý thuyết chính về ký hiệu học hình ảnh (semiotics) áp dụng trong phân tích điện ảnh.”
- “So sánh phong cách đạo diễn của [đạo diễn A] và [đạo diễn B] về: nhịp điệu, không gian và nhân vật.”
- “Liệt kê 10 giải thưởng điện ảnh quốc tế uy tín. Tiêu chí xét giải và lịch sử phim Việt Nam được đề cử.”

Nhóm 5: Sân khấu truyền thống (Diễn xuất và phân tích nhân vật)

- “Phân tích tính cách, tâm lý nhân vật [tên nhân vật] trong vở chèo/tuồng/cải lương [tên vở]. Chỉ rõ đặc trưng biểu diễn ước lệ, cách điệu của nhân vật.”

- “Gợi ý các lớp diễn (trở) thể hiện xung đột nội tâm của nhân vật [vai diễn] theo phong cách sân khấu truyền thống [chèo/tuồng/cải lương].”

- “So sánh cách xây dựng nhân vật phản diện giữa kịch nói hiện đại và tuồng cổ truyền thống Việt Nam.”

Nhóm 6: Biên đạo và dàn dựng Múa

- “Gợi ý cấu trúc đội hình cho một đoạn múa nhóm [số lượng] diễn viên thể hiện chủ đề [chủ đề], phong cách múa dân gian Việt Nam.”

- “Phân tích động tác múa truyền thống [tên điệu múa] và đề xuất hướng phát triển động tác đương đại trên nền chất liệu dân gian.”

Nhóm 7: Hòa âm, Phối khí kịch hát dân tộc

- “Phân tích cấu trúc làn điệu [tên làn điệu chèo/tuồng/cải lương] và đề xuất tham khảo phối khí nhạc cụ dân tộc phù hợp.”

- “Gợi ý phương án hòa âm nền cho trích đoạn [tên trích đoạn], giữ nguyên chất liệu âm nhạc truyền thống, không pha trộn thể loại hiện đại.”

- Lưu ý bắt buộc: mọi kết quả AI thuộc Nhóm 7 phải được đối chiếu với nghệ nhân, giảng viên chuyên môn theo quy định tại Mục 5.7 trước khi sử dụng tham khảo.

Nhóm 8: Biên tập tin, phóng sự truyền hình

- “Gợi ý cấu trúc kịch bản phóng sự truyền hình về chủ đề [chủ đề], thời lượng [số phút], theo chuẩn thể loại phóng sự tài liệu.”

- “Biên tập, rút gọn bản tin [nội dung] còn [số từ] từ, giữ nguyên các số liệu, trích dẫn quan trọng.”

Lưu ý: Các prompt trên là gợi ý mẫu. Sinh viên cần điều chỉnh theo chủ đề, học phần và yêu cầu cụ thể. Mọi kết quả từ prompt đều phải được kiểm chứng và khai báo.

Phụ lục 4: Một số tình huống thực tế minh họa

Nhóm 1: Khai báo và trích dẫn

- TH1: Sinh viên dùng ChatGPT tóm tắt 5 bài báo tiếng Anh để viết tổng quan tài liệu. Kết luận: ĐƯỢC PHÉP - phải khai báo và ghi chú [AI-ChatGPT] bên cạnh đoạn tổng quan.

- TH2: Sinh viên dùng Claude viết cả phần phân tích, chỉ sửa vài câu. Kết luận: VI PHẠM liên chính học thuật nghiêm trọng - phân phân tích không phải sản phẩm sáng tạo, tư duy của sinh viên; xem xét, xử lý theo Quy chế đào tạo, Quy chế khảo thí hiện hành (Chương 10).

- TH3: Sinh viên dùng Midjourney tạo ảnh tham khảo bố cục, sau đó tự chụp ảnh riêng. Kết luận: ĐƯỢC PHÉP - khai báo Midjourney là công cụ tham khảo.

- TH4: Sinh viên dùng AI dịch toàn bộ kịch bản tiếng Pháp, nộp như bản dịch của mình. Kết luận: GIAN LẬN - không khai báo, không có phần việc cá nhân; xem xét, xử lý theo Quy chế đào tạo, Quy chế khảo thí hiện hành (Chương 10).

- TH5: Sinh viên dùng Suno AI tạo nhạc nền cho phim thực hành, khai báo đầy đủ. Kết luận: TÙY TRƯỜNG HỢP - giảng viên đánh giá phạm vi, mức độ AI hỗ trợ và mức độ phù hợp theo quy định khoa (Mục 5.7).

Nhóm 2: Bản quyền

- TH6: Sinh viên dùng Midjourney tạo ảnh có yếu tố nhận diện rõ từ phim Disney để dùng trong đồ án. Kết luận: CÓ DẤU HIỆU XÂM PHẠM quyền tác giả (Điều 28 Luật SHTT) - không được phép sử dụng trong đồ án, dù với mục đích học tập.

- TH7: Sinh viên dùng AI voice nhân bản giọng ca sĩ X để thu nhạc nền phim ngắn. Kết luận: VI PHẠM quyền nhân thân (Điều 25 BLDS) và quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân - cần có sự đồng ý của ca sĩ X; nếu sử dụng cuộc biểu diễn đã định hình của ca sĩ X còn phải được phép theo Điều 29 Luật SHTT; khi công bố phải gắn nhãn theo khoản 4 Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo.

- TH8: Sinh viên dùng Adobe Firefly (được huấn luyện trên ảnh có phép) tạo concept art cho dự án cá nhân. Kết luận: ĐƯỢC PHÉP theo điều khoản Firefly tại thời điểm sử dụng - phải khai báo trong mẫu K1.

Phụ lục 5: FAQ - Câu hỏi thường gặp

Câu hỏi	Trả lời
AI có được coi là đồng tác giả không?	Không. Theo khoản 1 Điều 12a Luật SHTT, tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm; hệ thống AI không được xác định là tác giả hay đồng tác giả (xem Mục 3.1).
Nếu không khai báo AI nhưng giảng viên không phát hiện thì sao?	Đây vẫn là vi phạm liên chính học thuật. Hệ quả có thể bị xử lý bất kỳ lúc nào trong quá trình học.
Có công cụ AI nào được Trường 'cấp phép' chính thức?	Trường không chứng nhận riêng công cụ nào. Sinh viên tự chịu trách nhiệm về lựa chọn và sử dụng công cụ.

Câu hỏi	Trả lời
Khai báo AI có bị trừ điểm không?	Không. Khai báo trung thực được khuyến khích và không bị trừ điểm nếu sử dụng trong giới hạn cho phép.
Prompt Log cần lưu trong bao lâu?	Tối thiểu đến khi kết thúc học kỳ và nhận điểm chính thức. Với đồ án tốt nghiệp: lưu ít nhất 2 năm.
AI detector báo kết quả nghi ngờ - có bị xử lý ngay không?	Chưa. Đây chỉ là tín hiệu/chỉ báo ban đầu. Giảng viên phỏng vấn trực tiếp, đối chiếu prompt log, khai báo K1 và các minh chứng khác trước. Nếu sinh viên giải thích, chứng minh được, không xử lý vi phạm.

Phụ lục 6: Biểu mẫu cam kết liêm chính học thuật

CAM KẾT LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT (Áp dụng bắt buộc cho khóa luận, đồ án tốt nghiệp)	
Tôi, sinh viên:	Mã SV:
Lớp:	Khoa:
Tên đề tài:	
Tôi cam kết: 1. Công trình này là kết quả nghiên cứu và sáng tạo của riêng tôi; 2. Tôi đã khai báo trung thực mọi công cụ AI đã sử dụng (xem Mẫu K1 đính kèm); 3. Mọi trích dẫn từ tài liệu và AI đều được ghi nhận đúng quy định; 4. Tôi không vi phạm quyền tác giả của bất kỳ bên thứ ba nào; 5. Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của cam kết này.	
Hà Nội, ngày tháng năm 2026	
Sinh viên ký tên:	

Phụ lục 7: Quy trình kiểm tra đạo văn và phát hiện nội dung AI

Giai đoạn 1 - Nộp bài: Sinh viên nộp bài kèm Mẫu K1 và Prompt Log qua hệ thống quản lý học tập của Trường, sau khi được thông báo và đồng ý về việc xử lý dữ liệu (Mục 9.1).

Giai đoạn 2 - Kiểm tra phần mềm: Giảng viên/Phòng KT&CTHSSV chạy kiểm tra qua Turnitin/iThenticate trong thời hạn theo Quy chế khảo thí hiện hành.

Giai đoạn 3 - Đánh giá kết quả: Giảng viên/Hội đồng xem xét chỉ số similarity và tín hiệu phát hiện AI như thông tin tham khảo, không áp dụng ngưỡng cố định (Mục 9.2). Không có dấu hiệu bất thường → chấm điểm bình thường. Có dấu hiệu bất thường → chuyển sang phỏng vấn sinh viên.

Giai đoạn 4 - Phỏng vấn: Giảng viên phỏng vấn trực tiếp trong thời hạn quy định tại Mục 9.4.

Giai đoạn 5 - Kết luận: Sinh viên giải thích được → đánh giá bình thường. Không giải thích được → Phòng KT&CTHSSV lập biên bản, xác minh và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy chế hiện hành (Mục 9.4).

Phụ lục 8: Bảng tra cứu căn cứ pháp lý nhanh

Tình huống	Căn cứ pháp lý
Sử dụng AI trong học tập	Luật TTNT, Điều 4, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 6; QĐ 2650/QĐ-BGDĐT, Mục VII.3; TT 40/2026/TT-BGDĐT, Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 20; Quy chế CTSV 2026, Điều 10(e)
Quyền tác giả tác phẩm AI	Luật SHTT (VBHN số 67/VBHN-VPQH), khoản 5 Điều 6, khoản 5 Điều 7, Điều 12a, Điều 14, khoản 4 Điều 15; NĐ 17/2023/NĐ-CP (sửa đổi bởi NĐ 134/2026/NĐ-CP), Điều 5a, Điều 37a, 37b, 37c; Luật TTNT, khoản 3 Điều 7
Deepfake và voice cloning	BLDS 2015, Điều 25, Điều 32; Luật TTNT, điểm b khoản 2 Điều 7, khoản 4 Điều 11; Luật BVDLCN số 91/2025/QH15; Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, điểm g khoản 2 Điều 7, điểm h khoản 3 Điều 13
Bản quyền âm nhạc (AI Cover)	Luật SHTT, Điều 20, Điều 29, Điều 30; NĐ 17/2023/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi NĐ 134/2026/NĐ-CP)
Đạo văn học thuật	Luật TTNT, khoản 3 Điều 6; Quy chế đào tạo, Quy chế khảo thí hiện hành; quy định của Nhà trường về liêm chính học thuật (khi được ban hành)
Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Luật BVDLCN số 91/2025/QH15 (hiệu lực từ 01/01/2026), Điều 3, Điều 9, Điều 19, Điều 20, Điều 30
Gắn nhãn nội dung do AI tạo ra	Luật TTNT, Điều 11, khoản 5 Điều 7; khoản 6 Điều 5a NĐ 17/2023

Tình huống	Căn cứ pháp lý
Xử lý kỷ luật sinh viên	TT 40/2026/TT-BGDĐT, Điều 19 đến Điều 25; Quy chế CTSV (QĐ 736/QĐ-SKĐAHN)
Kiểm định chất lượng - bằng chứng AI	Quy định BDCL SKĐAHN (QĐ 1031/QĐ-SKĐAHN); AUN-QA 4.0

Phụ lục 9: Khuyến nghị bồi dưỡng năng lực AI cho giảng viên

Nội dung tại Phụ lục này mang tính chất khuyến nghị, không thuộc phạm vi điều chỉnh bắt buộc của Sổ tay AI (vốn áp dụng chính thức cho sinh viên toàn Trường). Trên cơ sở yêu cầu của Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT (Khung năng lực số cho người học và người dạy, Miền 6: Ứng dụng AI), Nhà trường giao Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế chủ trì, phối hợp Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, Sinh viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực số, năng lực ứng dụng AI riêng cho đội ngũ giảng viên, triển khai có chọn lọc, phù hợp thực tế từng khoa chuyên môn.

Nội dung bồi dưỡng trọng tâm

- (i) Năng lực đánh giá, kiểm chứng kết quả đầu ra của AI khi hướng dẫn sinh viên sáng tác, thiết kế, biểu diễn;
- (ii) Kỹ năng thiết kế đề bài, xây dựng tiêu chí chấm điểm đồ án/tiểu luận có yếu tố AI phù hợp đặc thù từng khoa chuyên môn, theo quy định tại Chương 5 Sổ tay AI;
- (iii) Kỹ năng hướng dẫn, kiểm soát sinh viên khai báo, trích dẫn AI đúng quy định tại Chương 7, Chương 8 Sổ tay AI.

Kế hoạch bồi dưỡng năng lực AI cho giảng viên được xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện riêng, không làm phát sinh nghĩa vụ báo cáo, khai báo bắt buộc đối với giảng viên trong phạm vi điều chỉnh của Sổ tay AI này.

Sổ tay AI - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Ban hành năm 2026

Mọi thắc mắc xin liên hệ:

Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, Sinh viên - TS. Trịnh Thúy Hương